UBND TỈNH KHÁNH HÒA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 938/QĐ-CĐKTCN

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về điểm chuẩn xét tuyển và danh sách trúng tuyển trung cấp (hệ chính quy) đợt 1 - năm 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-CĐKTCN ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 311/QĐ-CĐKTCN ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019 của Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang và kết quả cuộc họp ngày 01/7/2019 của Hội đồng tuyển sinh về việc xét thí sinh trúng tuyển hệ trung cấp đợt 1 - năm 2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điểm chuẩn xét tuyển trung cấp và số lượng thí sinh trúng tuyển trung cấp (hệ chính quy), đợt 1 - năm 2019 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang, như sau:

- Điểm chuẩn xét tuyển trung cấp:

+ Đối với thí sinh tốt nghiệp THCS: Điểm trung bình năm lớp 9 đạt từ **5.0** trở lên (theo thang điểm 10);

+ Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT (hoặc đã hoàn thành chương trình văn hóa THPT): Điểm trung bình lớp 12 đạt từ **5.0** trở lên (theo thang điểm 10).

- Số lượng thí sinh trúng tuyển trung cấp, đợt 1 – năm 2019: **700** thí sinh. *(có danh sách kèm theo)*

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- UBND tỉnh KH (thay báo cáo);
- Sở LĐTBXH (thay báo cáo);
- Ban Giám hiệu (báo cáo)
- Lưu: VT, ĐT (2 bản).

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
Tỉnh Khánh Hòa
16.07.2019
13:59:21 +07:00

Trần Văn Hải

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ TRUNG CẤP, ĐỢT 1 - NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 938/QĐ-CĐKTCN ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
Nghề tuyển sinh: Cắt gọt kim loại										
1	Bùi Tấn Phúc	2-5-2004	Khánh Hòa	Tổ 6 - Xóm Đình - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Cắt gọt kim loại	6,4		0,5	0	6,9
2	Nguyễn Lê Nhật Hoàng	22-5-2004	Khánh Hòa	Tây bắc 1-Đại Lãnh-Huyện Vạn Ninh-Khánh Hòa	Cắt gọt kim loại	6,3		1,5	0	7,8
3	Nguyễn Hoàng Lợi	25-12-2003	Khánh Hòa	15 Hồng Lĩnh-Phước Hòa-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Cắt gọt kim loại	5,9		0,5	0	6,4
4	Trương Thanh Phong	11-12-2003	Khánh Hòa	Phước Tân- Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Cắt gọt kim loại	5,4		0,5	0	5,9
5	Nguyễn Hoàng Minh Quân	1-5-2004	Khánh Hòa	Trường Thạnh-Diên Thạnh-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Cắt gọt kim loại	6		1	0	7,0
6	Trương Lâm Hoàng Huy	2-1-2004	Khánh Hòa	84/7/2 Hùng Vương -Lộc Thọ-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Cắt gọt kim loại	5,6		0,5	0	6,1
7	Đặng Hữu Hiếu	17-10-2004	Khánh Hòa	Đội 4-Bình Khánh-Diên Hòa-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Cắt gọt kim loại	6		1	0	7,0
8	Hồ Đức Tài	14-9-2004	Khánh Hòa	Phước Tân-Phước-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Cắt gọt kim loại	6,1		0,5	0	6,6
9	Nguyễn Xuân Công	10-10-2003	Khánh Hòa	Phước Tân -Phước Điền-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Cắt gọt kim loại	6,5		0,5	0	7,0
10	Võ Nhật Tân	1-1-1993	Khánh Hòa	Số 15 đường Miên Hoa -Thôn 2-Diên Phú-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Cắt gọt kim loại	6,8		0,5	0	7,3
11	Võ Nhật Tân	3-11-2003	Khánh Hòa	Số 15 Đường Miên Hoa-Thôn 2-Diên Phú-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Cắt gọt kim loại	6,8		1	0	7,8
12	Nguyễn Trần Hưng	12-10-1998	Khánh Hòa	Xã Vạn Bình-Cam Tân-Huyện Cam Lâm-Khánh Hòa	Cắt gọt kim loại	7		1,5	0	8,5
Nghề tuyển sinh: Chế biến thực phẩm										
1	Lê Quốc Bình	6-5-2002	Khánh Hòa	Vĩnh Điềm Thượng-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Chế biến thực phẩm	6,6		0,5	0	7,1
2	Trương Thục Vy	23-11-2004	Khánh Hòa	80/9/2 Đồng Nai - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Chế biến thực phẩm	7,5		0,5	0	8,0

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
3	Thiệu Nguyễn Vân Anh	22-10-2004	Khánh Hòa	84/4 Đồng Nai - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Chế biến thực phẩm	6,9		0,5	0	7,4
4	Nguyễn Hoàng Thuận	13-2-2004	Khánh Hòa	Tổ 6 Vĩnh Điềm Trung-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Chế biến thực phẩm	6,4		0,5	0	6,9
5	Trần Thanh Tuấn	8-8-2004	Khánh Hòa	Tổ 1 - Lương Hòa - Vĩnh Lương-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Chế biến thực phẩm	6,1		0,5	0	6,6
6	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	4-5-2004	Khánh Hòa	Xuân Lạc- Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Chế biến thực phẩm	6,5		0,5	0	7,0
7	Quách Mai Phú Tài	12-9-2003	Khánh Hòa	39 Hồ Xuân Hương-Phước Hòa-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Chế biến thực phẩm	6,3		0,5	0	6,8
8	Trương Phan Thúy Mai	7-11-2004	Khánh Hòa	Tổ 3- Phú Lộc Đông-TT Diên Khánh-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Chế biến thực phẩm	6,3		1	0	7,3
9	Đặng Khánh Nghĩa	9-7-2003	Khánh Hòa	Phước Lợi-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Chế biến thực phẩm	5,3		0,5	0	5,8
10	Nguyễn Lý Đức	18-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 2, Trường Hải - Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Chế biến thực phẩm	6,7		0,5	0	7,2
11	Huỳnh Thị Nhật Nhung	23-10-2004	Khánh Hòa	15 Nguyễn Hoành -Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Chế biến thực phẩm	7,1		0,5	0	7,6
12	Nguyễn Thị Thanh Ngân	8-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 03- Phú Trung-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Chế biến thực phẩm	6,6		0,5	0	7,1
13	Mai Văn Phước	6-8-2004	Khánh Hòa	Tổ 6 Trường Sơn-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Chế biến thực phẩm	6,2		0,5	0	6,7
14	Lường Văn Hiếu	17-1-2004	Khánh Hòa	Tổ 5- Phú Vinh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Chế biến thực phẩm	6,7		0,5	0	7,2
15	Trương Thị Thanh Hương	1-2-2003	Khánh Hòa	Phước Lợi- Phước Trung-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Chế biến thực phẩm	6		0,5	0	6,5
Nghề tuyển sinh: Cơ điện tử										
1	Trương Hữu Quốc Thái	24-9-2004	Khánh Hòa	10 Nguyễn Chánh - Lộc Thọ-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Cơ điện tử	6,5		0,5	0	7
Nghề tuyển sinh: Công nghệ Ô tô										
1	Hoàng Ngọc Trường	8-5-2004	Khánh Hòa	188/4 Đồng Nai -Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,3		0,5	0	6,8
2	Võ Quang Phong	3-5-2004	Khánh Hòa	Tổ 7- Vĩnh Châu- Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,2		0,5	0	6,7
3	Hà Phú Phúc	20-10-2004	Khánh Hòa	Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,9		0,5	0	6,4
4	Nguyễn Minh Tuấn	12-7-2004	Khánh Hòa	56/17 Phương Sài-Phương Sài-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,1		0,5	0	7,6
5	Võ Anh Trí	29-1-2004	Ninh Thuận	Phú Thạnh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6		0,5	0	6,5
6	Nguyễn Thanh Bình	4-8-2003	Khánh Hòa	Tổ 4 Phước Toàn Tây - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,4		0,5	0	5,9

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
7	Nguyễn Thành Danh	3-12-2003	Khánh Hòa	86 Đồng Nai - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,8		0,5	0	6,3
8	Nguyễn Xuân Thiên	28-1-2002	Khánh Hòa	Thôn Tây 2-Diên Sơn-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,2		1	0	8,2
9	Ngô Hoàng Linh	3-6-2004	Khánh Hòa	Tổ 2- Thôn Phú Hậu-Suối Hiệp-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,1		1	0	7,1
10	Hoàng Thành Minh	10-11-2004	Đăk lăk	Tam Lực - Xã Ea Tam-Huyện Krông Năng-Đăk lăk	Công nghệ Ô tô	6,3		1,5	2	9,8
11	Lê Thanh Phát	25-11-2003	Khánh Hòa	Tổ 6 Phú Thạnh-Vạn Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,9		0,5	0	6,4
12	Lý Nguyễn Thành Thắng	25-10-2004	Khánh Hòa	Diên Phú-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,4		0,5	2	9,9
13	Trần Hiếu Thiện	29-8-2004	Khánh Hòa	Thôn Vĩnh Xuân-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,1		0,5	0	6,6
14	Nguyễn Hữu Trí	26-7-2004	Khánh Hòa	Tổ 11- Thôn Phú Ân Nam 2-Diên An-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7		1	0	8,0
15	Nguyễn Trương Anh Tiến	13-3-2004	Khánh Hòa	Thửa đất 453 tờ BĐ 2-Phú Trung-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,6		0,5	0	8,1
16	Trần Minh Phú	21-11-2004	Khánh Hòa	Phú nông-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,8		0,5	0	6,3
17	Huỳnh Văn Công	4-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 2 - Phú Hậu - Suối Hiệp-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,8		1	0	6,8
18	Trần Minh Toàn	21-4-2004	Khánh Hòa	117C Hoàng Văn Thụ-Vạn Thắng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,1		0,5	0	6,6
19	Nguyễn Nhật Quang	4-8-2004	Khánh Hòa	43 Tân An-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7		0,5	0	7,5
20	Đỗ Duy Lâm	17-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 6 - Thôn Vĩnh Cát - Suối Hiệp-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,6		1	0	6,6
21	Đào Lê Hoàng Anh	23-6-2004	Khánh Hòa	50 Phù Đổng-Phước Tiến-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,6		0,5	2	8,1
22	Võ Tấn Hoài	8-9-2003	Khánh Hòa	Tổ 7 Lư Cấm-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,2		0,5	0	7,7
23	Phạm Xuân Tín	27-4-2004	Khánh Hòa	Tổ 1 Vĩnh Điềm Trung-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,8		0,5	0	8,3
24	Phan Đức Tài	8-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 12-Vĩnh Điềm Thượng-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,3		0,5	0	6,8
25	Nguyễn Tuấn Duy Khanh	31-1-2004	Khánh Hòa	01 Võ Thị Sáu-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,7		0,5	0	6,2
26	Đỗ Hữu Minh Vinh	24-6-2004	Khánh Hòa	Tổ 13-Ngọc Hội-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,9		0,5	0	7,4
27	Phan Dũng Nhật Minh	25-2-2004	Khánh Hòa	Ngọc Hội-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,4		0,5	0	6,9

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
28	Bùi Nguyễn Đức Duy	10-12-2003	Khánh Hòa	15/4 Hồng Bàng - Phước Tiến-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,2		0,5	0	6,7
29	Nguyễn Thành Vinh	27-3-2004	Khánh Hòa	14 Âu Cơ - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,7		0,5	0	6,2
30	Nguyễn Cao Trí	27-3-2004	Khánh Hòa	14 Âu Cơ - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,6		0,5	0	8,1
31	Đỗ Thành Nhân	4-4-2004	Khánh Hòa	Ngọc Hội - Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,9		0,5	0	7,4
32	Phạm Công Thành	16-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 18 - Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,2		0,5	0	7,7
33	Nguyễn Trọng Nghĩa	3-12-2003	Khánh Hòa	Tân Khánh 2-Ninh Sim-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,8		1	0	6,8
34	Trương Trần Quốc Toản	6-10-2004	Khánh Hòa	Vĩnh Xuân-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,2		0,5	0	6,7
35	Nguyễn Mậu Thân	21-8-2004	Khánh Hòa	Tổ 3 - Đường Đệ - Vĩnh Hoà-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,4		0,5	0	6,9
36	Võ Đình Nghĩa	6-5-2004	Khánh Hòa	Tổ 2-Xuân Lạc-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,4		0,5	0	7,9
37	Nguyễn Hữu Trọng	18-6-2004	Khánh Hòa	Tổ 15 Ngọc Hội-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,2		0,5	0	6,7
38	Trần Đình Huy	14-4-2004	Khánh Hòa	Tân Khánh-Ninh Sim-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,8		1	0	7,8
39	Lê Minh Thái	15-7-2004	Khánh Hòa	Nông Trường-Ninh Sim-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,3		1	0	7,3
40	Lê Nguyễn Hoàng Tiến	30-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 6 Phú Thạnh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,1		0,5	0	5,6
41	Nguyễn Văn An	25-9-2004	Khánh Hòa	Thôn Đại Cát 1, Xã Ninh Phụng-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,6		0,5	0	7,1
42	Hồ Văn Dũng	14-11-2004	Khánh Hòa	Lô 11-Đường B5-Khu TĐC-VCN Phước Hải-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,4		0,5	0	6,9
43	Nguyễn Văn Băng Cương	16-6-2004	Khánh Hòa	Thôn Thủy Xương -Suối Hiệp-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,1		1	0	7,1
44	Thái Quang Hiếu	25-2-2003	Khánh Hòa	Phú Ân Nam - Diên An-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,1		0,5	0	6,6
45	Lê Đức Duẩn	10-1-2004	Khánh Hòa	1.18 Tổ 1-Vĩnh Điềm-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,2		0,5	0	6,7
46	Nguyễn Thành Công	17-1-2004	Khánh Hòa	Đầm Môn-Vạn Thạnh-Huyện Vạn Ninh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,7		1,5	0	8,2
47	Trần Văn Phương	15-8-2002	Khánh Hòa	Văn Đăng 2- Vĩnh Lương-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,7		0,5	0	7,2
48	Nguyễn Thanh Phương	6-7-2004	Khánh Hòa	Thôn Nông Trường-Ninh Sim-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,8		0,5	0	6,3

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
49	Trần Đình Duy	26-9-2004	Khánh Hòa	Thôn Đông 1-Diên Điền-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,1		0,5	0	6,6
50	Trần Thanh Hiếu	11-10-2004	Khánh Hòa	333 Lê Hồng Phong-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,9		0,5	0	6,4
51	Trần Cao Kỳ	19-8-2004	Khánh Hòa	Văn Đăng 2 - Vĩnh Lương-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,9		0,5	0	7,4
52	Phan Đức Chí	9-8-2004	Khánh Hòa	Thôn Đông 2-Diên Điền-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,9		1	0	8,9
53	Lê Chí Bảo	16-8-2004	Khánh Hòa	Văn Đăng 1 - Vĩnh Lương-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,9		0,5	0	6,4
54	Trần Văn Thanh	18-4-2004	Khánh Hòa	Văn Đăng 2 - Vĩnh Lương-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,9		0,5	0	7,4
55	Đoàn Võ Quốc Triệu	13-10-2004	Khánh Hòa	Vĩnh Châu - Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,1		0,5	0	6,6
56	Phan Trọng An	9-1-2004	Khánh Hòa	Tổ 2 - Văn Đăng - Vĩnh Lương-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,2		0,5	0	6,7
57	Nguyễn Hoàn Phúc	27-11-2004	Khánh Hòa	Phú Nông- Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,7		0,5	0	6,2
58	Nguyễn Thanh Tùng	26-8-2004	Khánh Hòa	Xuân Lạc-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,5		0,5	0	7,0
59	Huỳnh Phan Thành Nhân	22-4-2003	Khánh Hòa	Thôn 1-Diên Phú-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,6		0,5	0	7,1
60	Đỗ Tiến Hưng	18-12-2004	Khánh Hòa	222/44 Lê Hồng Phong-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,5		0,5	0	8,0
61	Nguyễn Mạnh Thắng	4-11-2004	Khánh Hòa	6 Vườn Dương - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,7		0,5	0	7,2
62	Lý Thanh Tịnh	4-10-2004	Khánh Hòa	Thôn 3 - Diên Phú-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,3		0,5	0	6,8
63	Hồ Phi Hùng	1-2-2004	Khánh Hòa	Thái Thông-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,9		0,5	0	6,4
64	Trần Ngọc Khiêm	16-7-2004	Khánh Hòa	7/4 Hoàng Diệu - Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,2		0,5	0	7,7
65	Nguyễn Hoàng Đăng	26-10-2004	Khánh Hòa	21A Lạc An-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,2		0,5	0	7,7
66	Hoàng Xuân Đức	24-9-2004	Khánh Hòa	110 Mai Xuân Thưởng-Tổ 1-Đông Nam-Vĩnh Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,4		0,5	0	5,9
67	Nguyễn Quốc Trung	14-11-2002	Khánh Hòa	Khu tái định cư A-Thủy Tú-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,5		0,5	0	7,0
68	Hoàng Trọng Vinh	27-3-2004	Khánh Hòa	Phước Lợi- Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,4		0,5	0	6,9
69	Lê Phùng Khánh Thuận	4-7-2004	Khánh Hòa	Tổ 1 Thái Thông-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,9		0,5	0	7,4

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
70	Trần Đức Thắng	26-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 2 Thái thông-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,6		0,5	0	6,1
71	Nguyễn Quốc Khánh	3-9-2004	Khánh Hòa	05 Hương Điền-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,6		0,5	0	7,1
72	Phạm Đình Phương	5-8-2004	Khánh Hòa	Tân Đảo-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,8		0,5	0	7,3
73	Lê Anh Tiến	21-3-2004	Khánh Hòa	Phước Thủy 3- Phước Trung 1-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,8		0,5	0	7,3
74	Trương Văn Quất	17-11-2003	Khánh Hòa	25 Đường B7 - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,6		0,5	0	7,1
75	Phạm Việt Quang	6-10-2004	Khánh Hòa	Lộc Thịnh-Cam Lộc-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,2		0,5	0	6,7
76	Trần Quang Anh Việt	2-1-2003	Khánh Hòa	Tổ 1 -Tây Bắc - Vĩnh Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,5		0,5	0	7,0
77	Hồ Tuấn Kiệt	1-2-2004	Khánh Hòa	Thôn Trung 1-Diên Điền-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,6		1	0	7,6
78	Đặng Thái Sơn	18-9-2004	Khánh Hòa	Hải Thọ Tây- Phước Trung 2-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,4		0,5	0	7,9
79	Nguyễn Tấn Phát	2-2-2004	Khánh Hòa	Đống Đa -Ninh Sim-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,6		1	0	6,6
80	Phạm Ngọc Trọng Hòa	2-2-2004	Khánh Hòa	18A Đông PhướcPhước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,2		0,5	0	5,7
81	Nguyễn Trần Huy Việt	16-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 18- Thôn Võ Kiện-Diên An-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,2		1	0	7,2
82	Đinh Quang Lập	29-10-2004	Khánh Hòa	3/2 Khu B Tập thể Hải quân -Dã Tượng-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,4		1,5	0	7,9
83	Trương Hiếu Vinh	2-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 5--Thôn Thủy Xương-Suối Hiệp-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,3		0,5	0	6,8
84	Nguyễn Trường Hải	8-10-2004	Khánh Hòa	Hải Thọ Đông- Phước Hạ-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,7		0,5	0	8,2
85	Dương Thanh Bình	23-11-2004	Khánh Hòa	Thôn 3-Diên Phú-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,4		1	0	6,4
86	Nguyễn Xuân Thiệp	8-11-2004	Khánh Hòa	Tổ 13 - Vĩnh Điềm Thượng - Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,4		0,5	0	6,9
87	Vũ Quốc Long	7-10-2004	Khánh Hòa	222/15 Lê Hồng Phong-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,4		0,5	0	6,9
88	Vũ Bảo Việt	12-1-2004	Khánh Hòa	86/9E Đồng Nai-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,7		0,5	0	7,2
89	Trần Lâm Khải	11-5-2003	Khánh Hòa	15/11 Tân Trang - Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,8		0,5	0	8,3
90	Phan Ngọc Thông	15-5-2004	Khánh Hòa	Thôn 3-Diên Phú-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,1		1	0	8,1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
91	Nguyễn Nhật Vương	21-9-2003	Khánh Hòa	Vĩnh Phú-Suối Tân-Huyện Cam Lâm-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,5		1,5	0	7,0
92	Phan Đình Duy	9-11-2004	Khánh Hòa	Tổ Chợ- Phước Trung-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,5		0,5	0	7,0
93	Nguyễn Công Thành	6-10-2001	Khánh Hòa	36/6 Hòn Dung-Tổ 23 Tây Bắc-Vĩnh Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5		0,5	0	5,5
94	Đinh Hoàng Bảo	29-8-2003	Khánh Hòa	36//6 Hòn Dung-Tổ 23 Tây Bắc-Vĩnh Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,1		0,5	2	8,6
95	Lê Kim Trọng Thiên	12-4-2003	Khánh Hòa	Tổ 10- Đội 2- Thôn Phú Ân Nam 2-Diên An-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,4		1	0	7,4
96	Lê Trung Nhiều	14-7-2004	Khánh Hòa	Tổ 1 Đường Đệ-Vĩnh Hoà-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6		0,5	0	6,5
97	Lê Công Thương	28-6-2004	Ninh Thuận	Thôn Phú Bình 2 Xã Cam Tân-Huyện Cam Lâm-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6		0,5	0	6,5
98	Mai Hữu Huy	20-5-2004	Khánh Hòa	29 Phạm Thị Bất- Trường Sơn-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,2		0,5	0	5,7
99	Tạ Quốc Duy An	4-2-2004	Khánh Hòa	Đại Hữu-Diên Lộc-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,3		1	0	7,3
100	Lê Văn Hùng	15-6-2004	Khánh Hòa	404/1/45 Lê Hồng Phong-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,2		0,5	0	6,7
101	Nguyễn Chí Bảo	16-5-2004	Khánh Hòa	Thôn 2-Diên Phú-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,2		1	0	7,2
102	Tôn Minh Hoàng	5-3-2004	Khánh Hòa	Lam Sơn-Ninh Sim-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,6		0,5	0	7,1
103	Nguyễn Thế Dương	25-8-2001	Khánh Hòa	06 Lương Nhữ Học-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,2		1,5	0	8,7
104	Phạm Đình Phúc	21-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 2- Thôn Phú Trung-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,8		0,5	0	7,3
105	Đặng Anh Huy	20-3-2004	Khánh Hòa	Phú Trung - Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,9		0,5	0	6,4
106	Nguyễn Trọng Tiến	19-11-2004	Khánh Hòa	Khu tập thể quân y, số 3 Tuệ Tĩnh-Lộc Thọ-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,2		0,5	0	7,7
107	Huỳnh Phúc Hậu	17-2-2003	Khánh Hòa	Đội 1-Khánh Nam-Huyện Khánh Vĩnh-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,5		1,5	0	9,0
108	Trần Văn Hiền	4-10-2004	Khánh Hòa	Trần Nhật Duật-Phước Hòa-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,1		0,5	0	6,6
109	Nguyễn Lâm Quân	23-3-2004	Khánh Hòa	Tổ 16 Vĩnh Điềm Thượng-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	5,6		0,5	0	6,1
110	Nguyễn Nhật Hoàng Khang	29-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 9 Phú Vinh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	7,3		0,5	0	7,8
111	Ngô Trần Minh Nhân	22-9-2002	Khánh Hòa	Tổ 9 Thái Thông-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ Ô tô	6,7		0,5	0	7,2

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
Nghề tuyển sinh: Công nghệ thông tin										
1	Nguyễn Hùng	2-2-2004	Khánh Hòa	46/7 Tân An - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	7,3		0,5	0	7,8
2	Đỗ Việt Khang	14-10-2004	Khánh Hòa	9/3A Hương Điền - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6		0,5	0	6,5
3	Nguyễn Đức Trung	14-10-2004	Khánh Hòa	Số 42 Yersin-Vạn Thắng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	5,7		0,5	0	6,2
4	Vũ Hoàng Đức Tài	25-2-2004	Khánh Hòa	118/2 Trần Quý Cáp-Phương Sài-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	5,9		0,5	0	6,4
5	Nguyễn Hồng Nhi	17-5-2004	Khánh Hòa	Thôn I-Ninh Thượng-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	7,8		1,5	0	9,3
6	Nguyễn Nhật Nam	14-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 5-Hà Ra-Vĩnh Phước-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,2		0,5	0	6,7
7	Võ Ngọc Điều	6-4-2004	Khánh Hòa	TDP 2 Khóm Dinh Thành-TT Diên Khánh-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	5,7		1	0	6,7
8	Trần Tiến Hưng	7-1-2004	Khánh Hòa	Khu thể Bình Khê-Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	5,5		0,5	0	6,0
9	Võ Đoàn Hồng Hiệp	17-8-2004	Khánh Hòa	Vĩnh Hội-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,9		0,5	0	7,4
10	Hồ Phan Nhật Hải	17-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 12 Lư Cấm-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	7,4		0,5	0	7,9
11	Đặng Thái Bảo	5-7-2004	Khánh Hòa	Tổ 20B Vĩnh Hội-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,5		0,5	0	7,0
12	Nguyễn Ngọc Trung Nghĩa	18-7-2004	Khánh Hòa	15/4 Hồng Bàng - Phước Tiến-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,5		0,5	0	7,0
13	Hoàng Văn Vũ Nam	19-6-2004	Khánh Hòa	64/4 Vườn Dương - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,4		0,5	0	6,9
14	Nguyễn Ngọc Thiên Bảo	9-9-2003	Khánh Hòa	4/5 Máy Nước - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,4		0,5	0	6,9
15	Vũ Nhật Thiện	8-11-2004	Khánh Hòa	114 Nguyễn Trãi - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	7,1		0,5	0	7,6
16	Nguyễn Tấn Khải	16-7-2003	Khánh Hòa	Ô 24 Lô 1215A Hòn Rớ-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,3		0,5	0	6,8
17	Hồ Thanh Đạo	25-6-2004	Khánh Hòa	Tổ 2 - Phú Bình - Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,3		0,5	0	6,8
18	Nguyễn Thiên An	15-12-2004	Khánh Hòa	22D/8 Cao Bá Quát - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6		0,5	0	6,5
19	Nguyễn Tấn Phát	9-3-2004	Khánh Hòa	46 Đồng Nai-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,4		0,5	0	6,9
20	Võ Hoài Nam	24-12-2004	Khánh Hòa	100 Đồng Nai - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6		0,5	0	6,5

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
21	Nguyễn Thị Thanh Trúc	1-9-2004	Khánh Hòa	Vĩnh Phú-Suối Tân-Huyện Cam Lâm-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,3		1,5	0	7,8
22	Nguyễn Tiến Duy	17-9-2001	Khánh Hòa	Tổ 9- Phú Thạnh- Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,9		0,5	0	7,4
23	Nguyễn Văn Trần Đại Việt	8-6-2004	Khánh Hòa	Đầm Môn-Vạn Thạnh-Huyện Vạn Ninh-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	7,5		1,5	0	9,0
24	Đặng Nhật Hùng	5-8-2004	Khánh Hòa	48/2 Đồng Nai - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,7		0,5	0	7,2
25	Nguyễn Lê Trọng Nghĩa	19-11-2004	Ninh Thuận	Khu phố 2- Phường Bảo An-Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm-Ninh Thuận	Công nghệ thông tin	6,5		0,5	0	7,0
26	Phạm Đăng Khôi	6-6-2004	Khánh Hòa	Tổ 5- Phú Vinh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,9		0,5	0	7,4
27	Lê Duy Phát	16-2-2003	Khánh Hòa	16 Tân Trang-Vạn Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,3		0,5	0	6,8
28	Trần Anh Phú	28-6-2004	TP Hồ Chí Minh	B290/10/2- Đoàn Văn Bơ- Phường 16- Quận4-TP Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin	6,7		0,5	0	7,2
29	Nguyễn Trọng Nghĩa	23-8-2003	Khánh Hòa	Nghĩa Phú - Cam Nghĩa-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,3		0,5	0	6,8
30	Nguyễn Võ Minh Kiệt	14-10-2004	Khánh Hòa	Căn hộ C44 (tầng 5)- Chung cư Ngô Gia Tự-Tân Lập-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,1		0,5	0	6,6
31	Nguyễn Tấn Phong	19-3-2004	Khánh Hòa	Phú Ân Nam-Diên An-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,5		1	0	7,5
32	Vũ Hoàng Phúc	30-4-2003	Khánh Hòa	Thôn Ngọc Hội 2-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	7,4		0,5	0	7,9
33	Nguyễn Nhật Thành	2-5-2004	Khánh Hòa	Tổ 3- Phú Vinh- Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	5,9		0,5	0	6,4
34	Nguyễn Mai Tùng Lâm	30-12-2003	Khánh Hòa	Phước Trung-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,7		0,5	0	7,2
35	Lê Hồng Đức	27-10-2003	Khánh Hòa	23C/1 Cồn Giữa -Xương Huân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,9		0,5	0	7,4
36	Nguyễn Thế Quỳnh	30-6-2004	Khánh Hòa	Đầm Môn-Vạn Thạnh-Huyện Vạn Ninh-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	7,1		1,5	0	8,6
37	Nguyễn Thanh Hưng	27-7-2004	Khánh Hòa	Thôn Trung 1-Diên Điền-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	7,3		1	0	8,3
38	Huỳnh Thị Phương Uyên	14-12-2004	Khánh Hòa	36/1 Hải Đức-Phương Sơn-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	7,1		0,5	0	7,6
39	Nguyễn Doanh Doanh	11-3-2004	Khánh Hòa	Dầu Sơn-Sơn Tân-Huyện Cam Lâm-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	5,6		1,5	0	7,1
40	Nguyễn Tiểu Thất	18-12-2004	Khánh Hòa	Dầu Sơn-Suối Tân-Huyện Cam Lâm-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	6,4		1,5	0	7,9
41	Đỗ Quang Mạnh	4-7-2004	Khánh Hòa	16 Tô Hiến Thành-Tân Lập-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	5,7		0,5	0	6,2

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
42	Phạm Tô Hoàng Nam	23-6-2002	Khánh Hòa	Tổ 18- Khóm 3-Ba Ngòi-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	7,1		0,5	0	7,6
43	Phạm Tô Hoàng Nam	23-6-2002	Khánh Hòa	Tổ Lam Sơn-Ba Ngòi-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa	Công nghệ thông tin	7,1		0,5	0	7,6
Nghề tuyển sinh: Điện công nghiệp										
1	Lê Văn Tân	11-4-2000	Phú Yên	Kp Định Thọ 1-TT Phú Hòa-Huyện Phú Hoà-Phú Yên	Điện công nghiệp	6		0,5	0	6,5
2	Ngô Đức Thắng	19-12-2003	Khánh Hòa	Ô 14- Lô 664 Hòn Rớ- Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	5,8		0,5	0	6,3
3	Kiều Gia Bảo	30-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 11- TT Diên Khánh-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	7,4		0,5	0	7,9
4	Nguyễn Xuân Thắng	26-9-2004	Khánh Hòa	Hải Thọ Tây-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	6,8		0,5	0	7,3
5	Đặng Minh Tiến	11-12-2004	Khánh Hòa	Hải Thọ Tây-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	5,8		0,5	0	6,3
6	Lữ Nhĩ Khang	1-6-2004	Khánh Hòa	Tổ 18 Thôn Vĩnh Điềm Thượng-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	5,6		0,5	0	6,1
7	Dương Quốc Thịnh	29-2-2004	Khánh Hòa	71/8A đường 2/4-Vạn Thắng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	6,6		0,5	0	7,1
8	Trình Đăng Khôi	8-2-2004	Khánh Hòa	Tổ 1 - Trí Nguyên - Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	6,5		1,5	0	8,0
9	Huỳnh Phạm Tuấn Linh	16-1-2004	Khánh Hòa	Tổ 1- Phú Vinh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	7,4		0,5	0	7,9
10	Huỳnh Nhật Hào	31-10-2004	Khánh Hòa	Thôn Trung 1- Diên Điền-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	6,8		1	0	7,8
11	Nguyễn Tri Phương	30-10-2004	Khánh Hòa	Nghĩa Phú - Cam Phú-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	5,7		0,5	0	6,2
12	Nguyễn Việt Khánh	28-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 11- Phú Lộc Đông 3- TT Diên Khánh-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	6,2		1	0	7,2
13	Nguyễn An Huy	26-11-2003	Khánh Hòa	Phước Thủy 2-Phước Trung I-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	5		0,5	0	5,5
14	Nguyễn Tiến Đạt	22-2-2004	Khánh Hòa	Tổ 6 Phú Thạnh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	6,9		0,5	0	7,4
15	Đỗ Trọng Nhân	17-7-2003	Khánh Hòa	Phước Thượng-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	6,7		0,5	0	7,2
16	Đỗ Mộc Duy Khang	30-9-2004	Khánh Hòa	39/78 Hoàng Diệu-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	5,5		0,5	0	6,0
17	Nguyễn Tấn Vũ	23-2-2004	Khánh Hòa	25/9 Tân Phước-Bình Tân-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	5,9		1,5	0	7,4
18	Nguyễn Ngọc Khánh Sơn	6-10-2003	Khánh Hòa	Xóm 2 thôn Thủy Triều-Cam Hải Đông-Huyện Cam Lâm-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	6,4		1	0	7,4

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
19	Lâm Duy Phương	29-9-2004	Khánh Hòa	Thôn Thủy Triều-Cam Hải Đông-Huyện Cam Lâm-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	7,1		1	0	8,1
20	Nguyễn Lê Chí Kiệt	28-3-2004	Khánh Hòa	Trí Nguyên-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	6,5		1,5	0	8,0
21	Ninh Thái Hưng	17-11-2004	Khánh Hòa	Quảng Hòa-Cam Thành Nam-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	5,6		1,5	0	7,1
22	Nguyễn Minh Mẫn	20-10-2003	Khánh Hòa	Tổ 1- đường Tân An-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện công nghiệp	6		0,5	0	6,5
23	Nguyễn Ngọc Luận	1-7-1998	Khánh Hòa	Tân Phước Tây-Vạn Phước-Huyện Vạn Ninh-Khánh Hòa	Điện công nghiệp		5,4	1	0	6,4
Nghề tuyển sinh: Điện dân dụng										
1	Lê Huỳnh Anh Tiến	15-11-2004	Khánh Hòa	40/25 Tân An- Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện dân dụng	6,4		0,5	0	6,9
2	Hoàng Văn Hiệp	19-4-2004	Khánh Hòa	Phước Tân-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện dân dụng	6,2		0,5	0	6,7
3	Mai Xuân Huy	20-2-2004	Khánh Hòa	Tân Đảo-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Điện dân dụng	6,6		1	0	7,6
4	Đinh Quốc Hoàng	26-6-2004	Khánh Hòa	Thôn An Định-Diên Phước-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Điện dân dụng	6,3		1	0	7,3
5	Nguyễn Công Hiếu Nghĩa	4-11-2004	Khánh Hòa	404/1/16 Lê Hồng Phong -Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện dân dụng	6,3		0,5	0	6,8
6	Thiều Quang Hòa	9-12-2004	Khánh Hòa	13/8 máy Nước - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện dân dụng	6,6		0,5	0	7,1
7	Lê Minh Đăng	11-4-2004	Khánh Hòa	132/4 Lê Hồng Phong-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện dân dụng	6,8		0,5	0	7,3
8	Nguyễn Văn Lộc	30-10-2004	Khánh Hòa	Tân Thành-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Điện dân dụng	6,5		0,5	0	7,0
9	Nguyễn Hoàng Phúc	7-11-2004	Khánh Hòa	Bến Đá-Phước Trung-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện dân dụng	6,3		0,5	0	6,8
10	Hà Trung Nghĩa	2-2-2004	Khánh Hòa	28/23 Phương Sài-Phương Sài-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện dân dụng	6		0,5	0	6,5
11	Nguyễn An Ngọc	30-11-2004	Khánh Hòa	16B Nguyễn Đức Cảnh-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện dân dụng	6,8		0,5	0	7,3
12	Lê Nguyễn Thành Đạt	1-5-2004	Khánh Hòa	126/12 Phương Sài - Phương Sài-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện dân dụng	6,3		0,5	0	6,8
13	Nguyễn Văn Mạnh	17-12-2002	Khánh Hòa	Phước Thủy-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện dân dụng	5,5		0,5	0	6
Nghề tuyển sinh: Điện tử công nghiệp										
1	Ngô Đăng Dương	10-6-2004	Khánh Hòa	Đồng Nai-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện tử công nghiệp	5,5		0,5	0	6,0
2	Hồ Trung Trọng	23-5-2004	Khánh Hòa	Phú Thạnh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện tử công nghiệp	6,7		0,5	0	7,2

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
3	Đặng Ngọc Quốc Trường	8-8-2004	Khánh Hòa	Tân Đảo-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Điện tử công nghiệp	6,6		0,5	0	7,1
4	Phạm Công Thành	9-5-2004	Khánh Hòa	Tổ dân phố số 7-TT Diên Khánh-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Điện tử công nghiệp	8		1	0	9,0
5	Nguyễn Trường Sơn	11-12-2004	Khánh Hòa	11 Võ Thị Sáu -Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện tử công nghiệp	6,4		0,5	0	6,9
6	Nguyễn Ngọc Dũng	18-5-2004	Khánh Hòa	93 Trần Nhật Duật-Phước Hòa-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện tử công nghiệp	6,6		0,5	0	7,1
7	Huỳnh Minh Quân	23-8-2004	Khánh Hòa	Ô 30-Lô 1540-Hòn Rớ-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Điện tử công nghiệp	7,3		0,5	0	7,8
Nghề tuyển sinh: Hàn										
1	Cao Văn Dũng	15-5-2002	Khánh Hòa	Vạn Thọ- Xuân Sơn-Huyện Vạn Ninh-Khánh Hòa	Hàn	7,4		1,5	0	8,9
Nghề tuyển sinh: Hướng dẫn du lịch										
1	Nguyễn Hoàng Long	19-2-1995	Khánh Hòa	Khóm 12 Nam-Ba Ngòi-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,6		0,5	0	7,1
2	Nguyễn Đức Trí Tài	30-8-2004	Khánh Hòa	480 Lê Hồng Phong-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,9		0,5	0	7,4
3	Nguyễn La Xuân Trường	14-12-2004	Khánh Hòa	80C/6 Đồng Nai - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	5,7		0,5	0	6,2
4	Trương Nguyễn Thanh Hiền	27-8-2004	Khánh Hòa	67/33 Quân Trấn-Lộc Thọ-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	5,5		0,5	0	6,0
5	Trần Thị Nhật Linh	7-4-2004	Khánh Hòa	Tổ 3- Thái Thông-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6		0,5	0	6,5
6	Trần Nguyễn Thục Oanh	29-2-2004	Khánh Hòa	78 Đặng Huy Trứ-Khu Thánh Gia-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,2		1,5	0	7,7
7	Nguyễn Thị Minh Thi	13-12-2004	Khánh Hòa	37 Yết Kiêu-Cầu Đá-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	5,5		1,5	0	7,0
8	Trần Thị Dương Thư	27-6-2003	Khánh Hòa	74/32 Trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	5,5		1,5	0	7,0
9	Lê Nguyễn Ý Nhi	21-11-2004	Khánh Hòa	71/26 Trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,4		1,5	0	7,9
10	Võ Phạm Yến Nhi	20-10-2004	Khánh Hòa	189 Trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	5,7		1,5	0	7,2
11	Hoàng Nguyễn Bảo Kim	2-1-2004	Khánh Hòa	1/9 Khóm Máy Nước - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	8,5		0,5	0	9,0
12	Đặng Thị Thanh Tuyền	27-10-2004	Khánh Hòa	Lô 85 Ô 3 Hòn Rớ 1-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,6		0,5	0	8,1
13	Trần Hoàng Vũ	13-8-2004	Khánh Hòa	Tổ 18 Vĩnh Hội-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,3		0,5	0	6,8
14	Trần Ngọc Khôi Nghi	6-5-2004	Khánh Hòa	Lư Cấm-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7		0,5	0	7,5

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
15	Nguyễn Minh Lộc	31-3-2004	Khánh Hòa	Tân Tứ-Ninh Thượng-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7		1,5	0	8,5
16	Nguyễn Bảo Long	19-4-2004	Khánh Hòa	Tân Thành-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,3		0,5	0	6,8
17	Võ Tô Quốc Huy	25-10-2004	Khánh Hòa	186/22/2-Lê Hồng Phong-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,5		0,5	0	8,0
18	Nguyễn Minh Khang	27-11-2004	Khánh Hòa	Thôn Đông 1-Diên Điền-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,1		0,5	0	7,6
19	Nguyễn Thiên An	13-8-2004	Khánh Hòa	Ngọc Hội- Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,2		0,5	0	6,7
20	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	26-10-2004	Khánh Hòa	Phước Lợi 3- Phước Trung-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,1		0,5	0	7,6
21	Nguyễn Thị Thu	16-4-2004	Khánh Hòa	Ô 24 Lô 1197A-Hòn Rớ-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,4		0,5	0	7,9
22	Lê Nguyên Hào	16-5-2004	Khánh Hòa	224 Quốc Tuấn Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	5,8		0,5	0	6,3
23	Hoàng Thị Thanh Trúc	11-5-2004	Khánh Hòa	22 Hương Điền-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,3		0,5	0	7,8
24	Trần Thu Hà	9-12-2004	Khánh Hòa	Cam Tân-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	8,8		0,5	0	9,3
25	Nguyễn Kiều Oanh	21-11-2004	Khánh Hòa	Tổ 12-Vĩnh Điềm Thượng-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,7		0,5	0	7,2
26	Hồ Ngọc Phương	8-1-2004	Khánh Hòa	Phú Nông-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,9		0,5	0	7,4
27	Hồ Ấn Nhi	29-3-2004	Khánh Hòa	Đầm Môn-Vạn Thạnh-Huyện Vạn Ninh-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	8,7		1,5	0	10,2
28	Lê Thị Bảo Yên	18-4-2004	Khánh Hòa	Đầm Môn-Vạn Thạnh-Huyện Vạn Ninh-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	8,1		1,5	0	9,6
29	Phạm Bảo Châu	19-8-2004	Khánh Hòa	Ô 8-Lô 83-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,4		0,5	0	7,9
30	Châu Văn Gia Kiệt	1-8-2004	Khánh Hòa	43- Nguyễn Hữu Huân- Tân Lập-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,3		0,5	0	6,8
31	Lương Nhã Uyên	18-4-2004	Khánh Hòa	Vĩnh châu-Vĩnh Hiệp -Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,5		0,5	0	8,0
32	Nguyễn Thu Hương	3-11-2004	Khánh Hòa	Gia Mỹ-Ninh An-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	8,4		1	0	9,4
33	Huỳnh Ngọc Phú	25-5-2004	Khánh Hòa	24/15 Núi Một - Phước Tiến-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	5,3		0,5	0	5,8
34	Phạm Quốc Dũng	23-1-2004	Khánh Hòa	Thôn 2- Diên Phú-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,2		1	0	7,2
35	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	19-2-2002	Khánh Hòa	Tổ 13- Thủy Tú-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,3		0,5	0	6,8

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
36	Nguyễn Thị Lan Hương	14-12-2004	Khánh Hòa	Tổ 16- Vĩnh Điềm Thượng-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,9		0,5	0	8,4
37	Lương Thanh Thảo	9-2-2004	Khánh Hòa	120A2 Trịnh Phong-Tân Lập-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,8		0,5	0	7,3
38	Đậu Xuân Chánh	27-9-2003	Khánh Hòa	Tân Thành-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	5,2		0,5	0	5,7
39	Nguyễn Đặng Hồng Ngọc	14-1-2004	Khánh Hòa	32/1 Trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,3		0,5	0	6,8
40	Nguyễn Hà Xuân Hậu	7-4-2004	Khánh Hòa	50/51/34 Võ Thị Sáu- Phước Tường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,3		0,5	0	7,8
41	Lê Hoài Nhân	23-3-2004	Khánh Hòa	Tân Sinh Tây-Cam Thành Bắc-Huyện Cam Lâm-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,6		1	0	7,6
42	Phạm Minh Tân	27-12-2003	Khánh Hòa	24 Âu Cơ - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,2		0,5	0	7,7
43	Vũ Thị Hà Vi	14-8-2004	Khánh Hòa	404/10/12 B2 Lê Hồng Phong-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,1		0,5	0	7,6
44	Nguyễn Việt Hoàng	20-7-2004	Khánh Hòa	Số 2 - Đường Bầu Bạn - Thôn Nam 3 -Diên Sơn-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	5,9		1	0	6,9
45	Võ Hồ Thanh Tuyền	28-8-2004	Khánh Hòa	Tổ 4- Phước Toàn Tây-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,2		0,5	0	7,7
46	Ngô Quang Đán	28-3-2001	Khánh Hòa	83/22/48 trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,6		1,5	0	8,1
47	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	26-7-2004	Khánh Hòa	Hòn Rớ-Phước Trung 1-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,8		0,5	0	8,3
48	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	10-7-2003	Khánh Hòa	75/10 Trần Khánh-Trường Hải-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,9		0,5	0	7,4
49	Phạm Xuân Hương	2-12-2004	Khánh Hòa	75/10 Trần Khánh-Trường Hải-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,7		0,5	0	7,2
50	Cao Thị Vân Anh	29-7-2004	Khánh Hòa	39/76 Hoàng Diệu-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6		1,5	0	7,5
51	Lê Thị Mỹ Dung	5-11-2004	Khánh Hòa	Tổ 6 Phú Thạnh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,5		0,5	0	8,0
52	Nguyễn Thị Linh Tâm	8-8-2004	Khánh Hòa	Ngọc Diêm-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	5,9		1	0	6,9
53	Phạm Tấn Minh	24-4-2004	Khánh Hòa	Tổ 7 Vĩnh Châu-Vĩnh Hiệp-Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,3		0,5	0	6,8
54	Lê Thị Thùy Linh	24-2-2004	Đăk lăk	Thôn 7B- EaWy--Huyện Ea H Leo-Đăk lăk	Hướng dẫn du lịch	7		1	0	8,0
55	Nguyễn Trần Khánh Vân	10-1-2004	Khánh Hòa	15/8C-Phước Tường- Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,2		0,5	0	7,7
56	Nguyễn Thị Thùy Linh	24-8-2004	Khánh Hòa	Hòa Bình-Cam Nghĩa-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,8		0,5	0	7,3

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
57	Huỳnh Tuấn Kiệt	14-6-2003	Khánh Hòa	Tổ 1- Phú Bình -Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7		0,5	0	7,5
58	Nguyễn Ngọc Anh Trâm	10-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 2- Trường Sơn-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,3		0,5	0	6,8
59	Hoàng Lệ Ánh	2-8-2004	Khánh Hòa	50 Cầu Bình Tân-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,8		0,5	0	7,3
60	Ngô Thanh Vân	21-8-2004	Khánh Hòa	20/38 Núi Một-Phước Tiến-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,2		0,5	0	6,7
61	Đặng Như Quỳnh	18-6-2004	Khánh Hòa	Tổ Dân Phố Phan Bội Châu 2-TT Diên Khánh-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,8		1	0	7,8
62	Trương Ngọc Uyên Trâm	2-5-2004	Khánh Hòa	11B- Phước Tường-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,1		0,5	0	6,6
63	Nguyễn Thị Bích Trâm	31-8-2004	Khánh Hòa	Vạn Khê -Ninh Lộc-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,6		1	0	8,6
64	Nguyễn Trần Tường Vy	8-6-2004	Khánh Hòa	Tổ 4 Thái Thông-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,3		0,5	0	7,8
65	Mã Minh Hùng	24-7-2004	Khánh Hòa	Ô 13 lô 610-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,2		0,5	0	7,7
66	Hồ Hoàng Bảo Trâm	12-9-2004	Khánh Hòa	117 Lý Nam Đế-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,8		0,5	0	7,3
67	Lê Đức Huy	31-7-2004	Khánh Hòa	17/1 Lương Thế Vinh-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,6		0,5	0	7,1
68	Trương Quang Khánh	4-9-2002	Khánh Hòa	Thửa 1814- TBĐS1B-Vĩnh Thạnh -Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	6,9		0,5	0	7,4
69	Trần Đức Duy	12-7-2003	Khánh Hòa	18 B Đông Phước-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Hướng dẫn du lịch	7,3		0,5	0	7,8
Nghề tuyển sinh: Kế toán doanh nghiệp										
1	Nguyễn Thanh Hà	27-6-2004	Khánh Hòa	Cây Xoài-Suối Tân-Huyện Cam Lâm-Khánh Hòa	Kế toán doanh nghiệp	5,9		1,5	0	7,4
2	Lê Nguyễn Kim Loan	12-9-2002	Khánh Hòa	Thủy Tú-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kế toán doanh nghiệp	5,7		0,5	0	6,2
3	Tô Huỳnh Bảo Hân	15-9-2004	Khánh Hòa	Kinh tế mới-Suối Tiên-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kế toán doanh nghiệp	7,4		1	0	8,4
4	Đinh Thị Ánh Tuyết	9-6-2004	Khánh Hòa	Xuân Lạc - Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kế toán doanh nghiệp	6,2		0,5	0	6,7
5	Lê Mỹ Uyên	15-3-2004	Khánh Hòa	Ngọc Hội - Vĩnh Ngọc -Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kế toán doanh nghiệp	6,6		0,5	0	7,1
6	Lê Đỗ Như Ý	14-8-2004	Khánh Hòa	Võ Dõng-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kế toán doanh nghiệp	7,6		0,5	0	8,1
7	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	7-12-2004	Khánh Hòa	Hòn Rớ-Phước Trung 1-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kế toán doanh nghiệp	8		0,5	0	8,5

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
8	Đỗ Thị Quyên	17-8-2001	Khánh Hòa	Thôn Vinh Bình- Cam Tân-Huyện Cam Lâm-Khánh Hòa	Kế toán doanh nghiệp	7,4		1,5	0	8,9
9	Võ Tường Vi	17-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 12 Lư Cấm-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kế toán doanh nghiệp	7,4		0,5	0	7,9
10	Nguyễn Thị Thanh Vy	15-6-2003	Khánh Hòa	Xuân Lạc-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kế toán doanh nghiệp	6		0,5	0	6,5
11	Trần Quốc Thắng	11-2-2002	Khánh Hòa	13 Đô Lương -Phước Tiến-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kế toán doanh nghiệp	6		0,5	0	6,5
12	Trần Võ Khánh Trang	1-9-2004	Khánh Hòa	Phước Điền-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kế toán doanh nghiệp	6,1		0,5	0	6,6
Nghề tuyển sinh: Kỹ thuật chế biến món ăn										
1	Nguyễn Ngọc Minh Long	7-10-2004	Khánh Hòa	10/4 Phạm Thị Bất-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,3		0,5	0	6,8
2	Võ Minh Tâm	8-8-2004	Khánh Hòa	Lô 132 Khu tái định cư A Thủy Tú-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7		0,5	0	7,5
3	Đặng Việt Thành	30-12-2004	Khánh Hòa	22/9 lê Hồng Phong - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,9		0,5	0	7,4
4	Phạm Văn Minh	23-3-2004	Khánh Hòa	24/1 Hương Điền - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,6		0,5	0	7,1
5	Trần Ngọc Lợi	10-3-2004	Khánh Hòa	34/24 Lê Hồng Phong - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,9		0,5	0	7,4
6	Nguyễn Thị Cẩm Quyên	20-7-2004	Khánh Hòa	T6-Võ Dõng- Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,5		0,5	0	8,0
7	Lê Nguyễn Văn Tấn	11-9-2004	Khánh Hòa	Phú Thanh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,4		0,5	0	6,9
8	Nguyễn Hoàng Nhật Vy	23-5-2004	Khánh Hòa	Võ Dõng-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,8		0,5	0	6,3
9	Phùng Nhật Tiến	15-4-2004	Khánh Hòa	Tổ 1- Phú Trung-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7		0,5	0	7,5
10	Trần Anh Duy	12-7-2004	Khánh Hòa	Tổ 17-Vĩnh Điềm Trung-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,9		0,5	0	7,4
11	Nguyễn Đình Thức	27-9-2004	Khánh Hòa	190/2 Đồng Nai - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,7		0,5	0	7,2
12	Lê Như Quỳnh	10-9-2004	Khánh Hòa	94/4 Đồng Nai - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,3		0,5	0	6,8
13	Võ Nguyễn Đức Quân	12-4-2004	Khánh Hòa	186 Trần Quý Cáp - Phương Sài-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,6		0,5	0	7,1
14	Trần Đức Công	28-10-2004	Khánh Hòa	lô 207- nguyễn địa lô- tổ 17 Đường đệ- Vĩnh Hòa-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,3		0,5	0	6,8
15	Nguyễn Thành Lộc	30-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 04 - Phước Toàn Tây - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,2		0,5	0	6,7

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
16	Phạm Hạo Dân	13-9-2004	Khánh Hòa	34/27/12A Lê Hồng Phong - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6		0,5	0	6,5
17	Nguyễn Hoàng Anh	16-8-2004	Khánh Hòa	Tổ 4 - Phước Toàn Tây - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,6		0,5	0	7,1
18	Nguyễn Phúc Lâm	28-8-2003	Khánh Hòa	Tổ 3-Thái Thông-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7		0,5	0	7,5
19	Phan Phước Thái Bảo	1-1-2004	Khánh Hòa	67/2 Đồng Nai - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,1		0,5	0	7,6
20	Hồ Mỹ Hảo	18-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 3-Thái Thông-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7		0,5	0	7,5
21	Nguyễn Ngọc Hân	28-1-2004	Khánh Hòa	25B Tân An - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,9		0,5	0	7,4
22	Phan Kim Bảo	29-3-2004	Khánh Hòa	Phước Bình 1-Phước Điền-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,2		0,5	0	7,7
23	Phan Thị Thùy Dương	20-5-2004	Khánh Hòa	29/14/3/16/14 Trường Sa -Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,7		0,5	0	6,2
24	Đinh Thị Kim Loan	12-11-2003	Khánh Hòa	Phước Lộc-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,4		0,5	0	6,9
25	Trần Bích Phượng	28-7-2004	Khánh Hòa	Phước Lộc-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,8		0,5	0	7,3
26	Hoàng Bảo Ngọc	21-3-2003	TP Hồ Chí Minh	D1-2 (T2) chung cư 02 Lê Hồng Phong, Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,8		0,5	0	7,3
27	Nguyễn Đức Nhất	14-11-2004	Khánh Hòa	Phước Thủy-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,3		0,5	0	6,8
28	Trương Thị Mỹ Điểm	29-4-2004	Khánh Hòa	Hải Thọ Đông-Phước Hạ-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,5		0,5	0	8,0
29	Nguyễn Thị Yến Nhi	19-8-2004	Khánh Hòa	29/6/24 Trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,1		1,5	0	7,6
30	Nguyễn Thành Long	3-4-2004	Khánh Hòa	Tổ 2-Bình Tân-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,3		0,5	0	5,8
31	Lý Quỳnh Trâm	7-12-2004	Khánh Hòa	Phước Điền-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,8		0,5	0	7,3
32	Lê Nhị Ngọc	13-11-2003	Khánh Hòa	29/4Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,7		0,5	0	7,2
33	Võ Thùy Ngân	29-11-2004	Khánh Hòa	120/2-Trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,4		1,5	0	6,9
34	Nguyễn Võ Yến Nhi	13-2-2004	Khánh Hòa	Phước Thượng-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,4		0,5	0	6,9
35	Trần Hoàng Vân	2-8-2004	Khánh Hòa	02A Nguyễn Văn Thành- Cầu Đá-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,5		1,5	0	7,0
36	Nguyễn Nguyễn Hồng Phúc	8-2-2004	Khánh Hòa	07 Tân Hải-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6		0,5	0	6,5

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
37	Trần Long Tứ	24-9-2004	Khánh Hòa	26/2 Phan Văn Trị- TDP 1-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,6		1,5	0	7,1
38	Đặng Quốc Hưng	4-2-2004	Khánh Hòa	Vũ Xuân Thiều-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,5		0,5	0	7,0
39	Nguyễn Lê Hoàng Duyên	18-3-2004	Khánh Hòa	74/6 Trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,4		1,5	0	7,9
40	Lê Vũ Gia Hào	8-2-2004	Khánh Hòa	144 Hoàng Diệu-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,1		1,5	0	7,6
41	Trần Trung Nghĩa	14-12-2003	Khánh Hòa	83/22/40 Trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,3		1,5	0	8,8
42	Nguyễn Phạm Ngọc Vỹ	22-5-2004	Khánh Hòa	74/30-Trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,3		1,5	0	6,8
43	Nguyễn Hoàng Tuấn	9-1-2004	Khánh Hòa	83/9/10-Trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6		1,5	0	7,5
44	Nguyễn Thị Quỳnh Như	26-7-2004	Khánh Hòa	45 Phan Văn Trị-Cầu Đá-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,8		1,5	0	7,3
45	Hán Võ Tường Vy	29-10-2002	Khánh Hòa	120/2 Trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,3		1,5	0	6,8
46	Trương Trọng Hải	11-9-2004	Khánh Hòa	Lê Hồng Phong-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,3		0,5	0	6,8
47	Nguyễn Thành Sơn	3-3-2004	Khánh Hòa	26D-Tản Viên-Phước Hòa-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,9		0,5	0	6,4
48	Võ Thành Nguyên	4-1-2004	Khánh Hòa	kinh tế mới-Suối Tiên-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,9		1,5	0	8,4
49	Hồ Thị Hồng Nhung	25-7-2004	Khánh Hòa	Tổ 4-Phú Vinh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,5		0,5	0	7,0
50	Trần Túc Năng	25-11-2004	Khánh Hòa	Tổ 2-Phú Thạnh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,8		0,5	0	6,3
51	Nguyễn Tấn Thành	31-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 10-Vĩnh Châu-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6		0,5	0	6,5
52	Lê Văn Luân	30-4-2004	Khánh Hòa	Phú Trung-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,7		0,5	0	7,2
53	Nguyễn Tấn Phúc	21-7-2004	Khánh Hòa	Tổ 15 Vĩnh Điềm Thượng-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6		0,5	0	6,5
54	Nguyễn Thị Huỳnh Thương	2-11-2003	Khánh Hòa	Phước Thượng-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,9		0,5	0	7,4
55	Phạm Đặng Minh Trí	7-4-2004	Khánh Hòa	50/2- Nguyễn Tất Thành- Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,9		0,5	0	7,4
56	Võ Văn Nhân	5-11-2004	Khánh Hòa	Phước Đình II-Phước Điền- Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,4		0,5	0	6,9
57	Cao Thị Thùy Diên	13-10-2004	Khánh Hòa	72/2 Vườn Dương - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7		0,5	0	7,5

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
58	Nguyễn Thành Khang	3-12-2004	Khánh Hòa	TDP số 6-Dinh Thành-TT Diên Khánh-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,9		1	0	6,9
59	Nguyễn Hà Văn Thọ	11-5-2004	Khánh Hòa	22/5 Bạch Đằng - Phước Tiến-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,5		0,5	0	6,0
60	Lê Thị Thu Nguyệt	29-5-2004	Khánh Hòa	28 Vườn Dương - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,7		0,5	0	6,2
61	Trần Huỳnh Thảo Nhi	14-7-2004	Khánh Hòa	33 Hẻm Nguyễn Trãi -Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,4		0,5	0	5,9
62	Huỳnh Thị Ngọc Tú	15-8-2004	Khánh Hòa	Tổ 4-Trường Sơn-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,3		1	0	6,3
63	Phạm Minh Quân	13-7-2004	Khánh Hòa	55 Nguyễn Văn Thành -Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,4		0,5	0	5,9
64	Nguyễn Trọng Hiếu	16-10-2004	Khánh Hòa	Đội 3-Quang Thạnh-Diên Hòa-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,7		1	0	8,7
65	Trần Thanh Tài	20-10-2003	Khánh Hòa	Phước Thủy 1-Phước Trung 1-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,3		0,5	0	6,8
66	Đỗ Xuân Thắng	3-10-2004	Khánh Hòa	31/10 Biệt Thự-Tân Lập-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,2		0,5	0	6,7
67	Đỗ Võ Hoàng Gia	13-12-2004	Khánh Hòa	83/9/6 Trần Phú - Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,5		0,5	0	6,0
68	Phạm Thế Duy	11-7-2004	Khánh Hòa	22/5 Huỳnh Thúc Kháng - Phước Tiến-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6		0,5	0	6,5
69	Trần Đăng Khoa	10-6-2004	Khánh Hòa	205 Quốc Tuấn - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,5		0,5	0	6,0
70	Phạm Minh Đăng	21-8-2004	Khánh Hòa	14 Chi Lăng - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6		0,5	0	6,5
71	Võ Phi Trường	13-2-2004	Khánh Hòa	02 Phạm Cợt -Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,1		0,5	0	6,6
72	Nguyễn Đức Trọng	18-6-2004	Khánh Hòa	61 Tân Hải - Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,9		0,5	0	6,4
73	Thiều Phúc Quốc	20-7-2004	Khánh Hòa	Tơ 19-Đất Lành-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,3		0,5	0	6,8
74	Huỳnh Tăng Huy	28-5-2004	Khánh Hòa	Phước Thượng 2-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,7		0,5	0	7,2
75	Trần Ngọc Thi Thanh	12-10-2004	Khánh Hòa	25B Trần Khánh Dư-Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,8		0,5	0	6,3
76	Hoàng Minh Tuyết	29-5-2004	Khánh Hòa	11C Khu tập thể Bình Khê-Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,3		0,5	0	7,8
77	Phạm Thị Chúc	13-11-2004	Khánh Hòa	60/3 Núi Một - Phước Tiến-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,8		0,5	0	7,3
78	Phạm Trần Hoàng Ngân	4-12-2004	Khánh Hòa	03 Võ Trứ-Phước Tiến-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	9,4		0,5	0	9,9

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
79	Trần Anh Duy	9-12-2004	Khánh Hòa	Ô 15 Lô 730 Hòn Rớ-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,1		0,5	0	7,6
80	Võ Thị Thanh Tuyền	4-2-2004	Khánh Hòa	Phú Vinh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,4		0,5	0	7,9
81	Ngô Đặng Minh Huy	11-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 19-Thôn Phú Ân Nam 3-Diên An-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,5		1	0	7,5
82	Nguyễn Minh Phong	3-7-2004	Khánh Hòa	Phước Thủy- Phước Trung-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	8		0,5	0	8,5
83	Đỗ Tuấn Kiệt	9-3-2004	Khánh Hòa	Ngô Gia Tự-Tân Lập-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6		0,5	0	6,5
84	Đỗ Xuân Thảo	1-7-2004	Khánh Hòa	Tổ 4-Ngọc Hội-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,4		0,5	0	6,9
85	Quách Phú Thọ	16-11-2003	Khánh Hòa	39-Hồ Xuân Hương-Phước Hòa-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,9		0,5	0	6,4
86	Trần Bích Ngọc	9-10-2004	Khánh Hòa	69 Kiến Thiết-Phước Hòa-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6		0,5	0	6,5
87	Trương Lê Gia Huy	21-4-2004	Khánh Hòa	Thôn Tân Thành-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,8		1	2	8,8
88	Trần Khôi Nguyên	28-5-2003	Khánh Hòa	20A Nhị Hà-Phước Hòa-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,1		0,5	0	7,6
89	Nguyễn Thanh Thảo	9-2-2004	Khánh Hòa	Tân Khánh-Suối Tiên-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,4		1,5	0	8,9
90	Mai Kim Anh	1-6-2004	Khánh Hòa	57 Vũ Xuân Thiều-Tân Lập-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,7		0,5	0	7,2
91	Trần Kim Thạnh	12-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 40-thôn An Ninh-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7		1	0	8,0
92	Ngô Thanh Vũ	4-4-2004	Khánh Hòa	Tổ 24-An Ninh-Diên An-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,6		1	0	7,6
93	Kiều Minh Hoàng	8-8-2004	Khánh Hòa	Tổ 24-An Ninh-Diên An-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,1		1	0	7,1
94	Nguyễn Văn Trung	8-4-2004	Khánh Hòa	Tổ 8 Lư Cấm-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,6		0,5	0	8,1
95	Trần Gia Hân	17-11-2003	Khánh Hòa	Tổ 3 Vĩnh Điềm-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,4		0,5	0	7,9
96	Trần Đăng Khoa	10-3-2004	Khánh Hòa	Tổ 12 Vĩnh Hội-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,4		0,5	0	7,9
97	Mai Hoàng Chương	23-8-2004	Khánh Hòa	Tân Đảo-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,1		0,5	0	6,6
98	Võ Min Huy	27-2-2004	Khánh Hòa	Tổ 12 Vĩnh Hội-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,4		0,5	0	7,9
99	Lê Nguyễn Trí Việt	2-3-2004	Khánh Hòa	Thôn 5-Diên Đồng-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,6		1	0	8,6

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
100	Nguyễn Võ Gia Vy	2-2-2004	Khánh Hòa	Tổ 9 Ngọc Hội-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,7		0,5	0	6,2
101	Đặng Thị Quỳnh Như	5-7-2004	Khánh Hòa	Phước Điền-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,7		0,5	0	8,2
102	Võ Ngọc Nguyên Quốc	2-12-2004	Khánh Hòa	Tổ 7 Lư Cấm-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,1		0,5	0	6,6
103	Nguyễn Thành Tín	28-8-2002	Khánh Hòa	Tổ 15 Lư Cấm-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,3		0,5	0	6,8
104	Trần Thu Phương	31-3-2004	Khánh Hòa	Võ Canh-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,1		0,5	0	6,6
105	Nguyễn Thị Hồng Hương	11-12-2004	Khánh Hòa	Tổ 10-Xuân Lạc-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,6		0,5	0	7,1
106	Nguyễn Như Quỳnh	14-6-2004	Khánh Hòa	Xuân Lạc 2-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,4		0,5	0	6,9
107	Lê Đức Duy	12-12-2004	Khánh Hòa	144/2 Đường 2/4-Vạn Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,3		0,5	0	5,8
108	Bùi Anh Tuấn	23-8-2003	Khánh Hòa	Phước Thủy 1-Phước Trung 1-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,5		0,5	0	7,0
109	Huỳnh Anh Tuấn	8-7-2004	Khánh Hòa	Đồng Nhơn-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,4		0,5	0	6,9
110	Lê Trọng Nhân	24-8-2004	Khánh Hòa	Tân Thủy-Ninh Lộc-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,5		0,5	0	8,0
111	Nguyễn Khánh Trường	17-7-2004	Khánh Hòa	Tổ 4- Trường Sơn-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,6		0,5	0	6,1
112	Nguyễn Vũ Thu Hằng	12-10-2004	Khánh Hòa	Võ Cạnh-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6		0,5	0	6,5
113	Dương Thanh Hải	24-10-2003	Khánh Hòa	Phước Lợi 3-Phước Trung 2-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,1		0,5	0	6,6
114	Ngô Tấn Hùng	16-5-2004	Khánh Hòa	Phước Bình-Phước Điền-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,9		0,5	0	7,4
115	Đặng Vũ Đức	3-2-2004	Khánh Hòa	15/12 Máy Nước - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6		0,5	0	6,5
116	Hồ Vũ Kha	9-2-2003	Khánh Hòa	48C- Lê Quý Đôn- Tân Lập-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5		0,5	0	5,5
117	Đặng Phương Thảo	17-7-2004	Khánh Hòa	Phước tân- Phước Điền-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,4		0,5	0	7,9
118	Nguyễn Thị Như Quỳnh	30-7-2004	Khánh Hòa	Phước Lợi-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,8		0,5	0	7,3
119	Từ Hòa Kiệt	12-7-2004	Khánh Hòa	Tổ 3- Vĩnh Điềm - Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,6		0,5	0	8,1
120	Đinh Trần Quang Ngọc	9-1-2004	Khánh Hòa	24/12 Nguyễn Thiện Thuật - Tân Lập-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,5		0,5	0	8,0

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
121	Đoàn Chính Thuần	6-9-2003	Phú Yên	Khu phố 4 - Phường 2-Tp. Tuy Hoà-Phú Yên	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,2		0,5	0	5,7
122	Nguyễn Lê Yến Nhi	19-8-2004	Khánh Hòa	Tổ 13 Vĩnh Điềm Thượng-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,1		0,5	0	7,6
123	Nguyễn Anh Bảo	21-4-2004	Khánh Hòa	Thôn Trung 1-Diên Điền-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,6		1	0	8,6
124	Nguyễn Trần Như Ý	2-1-2004	Khánh Hòa	Tổ 8-Xuân Lạc 2-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,7		0,5	0	7,2
125	Lê Thị Ngọc Trân	7-8-2003	Khánh Hòa	07 Thái Nguyên -Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,8		0,5	0	6,3
126	Phạm Trường Giang	10-6-2004	Khánh Hòa	218 Trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,9		1,5	0	7,4
127	Trần Quốc Hiển	6-10-2004	Khánh Hòa	Vĩnh Xuân-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,3		0,5	0	6,8
128	Phạm Quốc Bảo	9-6-2004	Khánh Hòa	Phú Trung - Vạn Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,2		0,5	0	6,7
129	Mai Chí Ngọc Sĩ Kỳ	30-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 1- Thôn Dân 2-Diên An-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,5		1	0	7,5
130	Nguyễn Ngọc Trung	23-5-2004	Khánh Hòa	Phú Hữu-Ninh Ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,3		0,5	0	6,8
131	Phạm Quốc Hưng	26-9-2003	Khánh Hòa	249 - Tổ 22 - Hà Ra - Vĩnh Phước-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,5		0,5	0	7,0
132	Đặng Thị Mỹ Hạnh	8-12-2004	Khánh Hòa	Xuân Lạc-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,7		0,5	0	7,2
133	Trương Thị Ngọc Nhi	15-6-2004	Khánh Hòa	12/28 Vườn Dương - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,6		0,5	0	6,1
134	Trần Anh Hợp	14-5-2004	Khánh Hòa	Phước Thủy-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,4		0,5	0	5,9
135	Võ Ngọc Phước	19-11-2003	Khánh Hòa	Phước Bình 2- Phước Điền-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,5		0,5	0	6,0
136	Nguyễn Thanh Trân	2-6-2004	Khánh Hòa	Tổ 4- Xuân Lạc 1-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,8		0,5	0	7,3
137	Nguyễn Lê Tường Vân	4-9-2004	Khánh Hòa	Vĩnh Phú-Suối Tân-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,2		1,5	0	7,7
138	Nguyễn Minh Nhựt	2-3-2004	Khánh Hòa	14/10 Máy Nước-Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,2		0,5	0	6,7
139	Đỗ Trần Bảo	26-2-2004	Khánh Hòa	Thôn Phước lợi-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,3		0,5	0	6,8
140	Hà Mai Bảo Nguyên	20-4-2004	Khánh Hòa	Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,4		0,5	0	7,9
141	Lê Đình Kha	8-9-2003	Khánh Hòa	Phước Lợi--Phước Trung-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,5		0,5	0	6,0

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
142	Lê Thanh Xuân	22-1-2004	Khánh Hòa	25/11 Đường số 4 Khu Thánh Gia, Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,7		1,5	0	8,2
143	Lê Thị Diễm Hạ	17-3-2004	Khánh Hòa	Phước Lộc-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,6		0,5	0	8,1
144	Trần Văn Trường	4-12-2004	Khánh Hòa	Phú Hữu-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,5		0,5	0	7,0
145	Nguyễn Thị Mỹ Kim	8-7-2004	Khánh Hòa	Đầm Môn-Vạn Thạnh-Huyện Vạn Ninh-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,3		1,5	0	7,8
146	Bùi Quang Phúc	10-1-2004	Khánh Hòa	64/17 Vườn Dương - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,5		0,5	0	6,0
147	Võ Ngọc Sơn	9-10-2004	Khánh Hòa	Hòa Thiên 2 - Ninh An-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,9		1	0	6,9
148	Lê Thành Tiến	11-11-2004	Khánh Hòa	Thái Thông-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,2		0,5	0	7,7
149	Phan Đình Khánh Thư	28-8-2004	Khánh Hòa	Phú Nông-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,7		0,5	0	7,2
150	Lê Nguyễn Hoàng Trâm	5-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 16-Vĩnh Điềm Thượng-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6		0,5	0	6,5
151	Trần Quang Khải	25-1-2004	Khánh Hòa	47 Cồn Tân Lập-Xương Huân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,7		0,5	0	6,2
152	Nguyễn Ngọc Hòa	4-4-1998	Khánh Hòa	Ninh Ích -Ninh An-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,9		1	0	7,9
153	Trần Thị Hồng Nhung	13-6-2004	Khánh Hòa	Tổ 9- Thôn phú Nông- Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,5		0,5	0	7,0
154	Nguyễn Ngọc Duy	1-5-2004	Khánh Hòa	4/1 Máy Nước - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,1		0,5	0	6,6
155	Phạm Hoàng An	30-8-2004	Khánh Hòa	Quảng Hòa-Cam Thành Nam-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,5		1,5	0	7,0
156	Nguyễn Duy Đông	7-6-2004	Đăk lăk	EaĐinh-EaTân-Huyện Krông Năng-Đăk lăk	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,6		1	0	7,6
157	Vũ Quang Thường	12-10-2002	Khánh Hòa	Phước Bình-Phước Điền-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,8		0,5	0	6,3
158	Bùi Lê Quý Khiêm	12-2-2004	Khánh Hòa	Tổ 7-Vĩnh Châu-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,3		0,5	0	6,8
159	Nguyễn Hồng Lam	9-10-2004	Khánh Hòa	Phước Tân -Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,5		0,5	0	7,0
160	Nguyễn Thành Trung	16-8-2002	Khánh Hòa	Đầm Môn-Vạn Thạnh-Huyện Vạn Ninh-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,2		1,5	0	7,7
161	Vũ Anh Tú	10-10-2003	Khánh Hòa	Thôn Phước Thủy-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,2		0,5	0	6,7
162	Nguyễn Phạm Xuân Bắc	20-12-2004	Khánh Hòa	Phong Thạnh - Ninh Lộc-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,9		1	0	7,9

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
163	Ngọc Phạm Đình Trường	14-4-2004	Khánh Hòa	Phong Thạnh-Ninh Lộc-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,9		1	0	8,9
164	Nguyễn Thị Kiều Oanh	17-8-2003	Khánh Hòa	17/12- Lương Thế Vinh- Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,9		0,5	0	6,4
165	Ngô Việt Anh	19-2-2004	Khánh Hòa	Tổ 1-Phú Bình-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,7		0,5	0	7,2
166	Trần Nam Triệu	5-10-2004	Khánh Hòa	Võ Cạnh-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,4		0,5	0	6,9
167	Ngô Quốc Trực	15-9-2004	Khánh Hòa	Đồng Nhơn-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,7		0,5	0	7,2
168	Nguyễn Bá Phương Huy	4-3-2004	Khánh Hòa	498/8 Lê Hồng Phong-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	7,4		0,5	0	7,9
169	Phạm Ngô Đức Trọng	16-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 19- Đồng Nhơn-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,9		0,5	0	6,4
170	Nguyễn Minh Hoàng	16-7-2004	Khánh Hòa	Tổ 14-Võ Cang-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,7		0,5	0	6,2
171	Nguyễn Tấn Hoàng Sang	20-6-2004	Khánh Hòa	Võ Dõng-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,6		0,5	0	7,1
172	Lại Vũ Hoàng Thắng	29-9-2004	Khánh Hòa	Võ Dõng-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,9		0,5	0	7,4
173	Lại Hữu Phước	31-12-2004	Khánh Hòa	Võ Dõng-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,4		0,5	0	6,9
174	Nguyễn Ngọc Huyền Nhung	1-1-2004	Khánh Hòa	Tổ1-Xuân Lạc-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,8		0,5	0	7,3
175	Nguyễn Anh Khoa	26-5-2004	Khánh Hòa	Ngọc Hội-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,7		0,5	0	7,2
176	Nguyễn Ngọc Thúy An	10-1-2004	Khánh Hòa	Phú Nông-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,3		0,5	0	6,8
177	Phan Lộc Tú	13-7-2004	Khánh Hòa	Tổ 18 Đồng Nhơn-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	6,7		0,5	0	7,2
178	Phạm Nguyễn Hiếu Kiệt	26-1-2004	Khánh Hòa	41/20 Phan Đình Giót-Phương Sài-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,3		0,5	0	5,8
179	Võ Văn Tường	24-8-2004	Khánh Hòa	Gò Sắn-Ninh Hưng-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,6		1	0	6,6
180	Hoàng Cao Nguyên	1-10-2002	Khánh Hòa	Phước Bình-Phước Đồng-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5		0,5	0	5,5
181	Hoàng Nguyên Giáp	6-2-2004	Khánh Hòa	404/10/9 Lê Hồng Phong-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật chế biến món ăn	5,3		0,5	0	5,8

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
Nghề tuyển sinh: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí										
1	Bùi Thanh Thiên	6-9-2003	Khánh Hòa	Khóm 3-Cam Lợi-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6		0,5	0	6,5
2	Nguyễn Thành Trung	14-5-2004	Khánh Hòa	Tổ 4- Phú Vinh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,1		0,5	0	6,6
3	Nguyễn Hồ Tiến Hưng	6-2-2004	Khánh Hòa	08 Tiền Giang - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,8		0,5	0	7,3
4	Phan Thanh Hà	27-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 2-Xóm Núi-Cầu Đá-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,2		1,5	0	7,7
5	Nguyễn Đức Hòa	21-11-2004	Khánh Hòa	Ngọc Diêm-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,4		1	0	7,4
6	Bùi Trọng Hiếu	25-8-2004	Khánh Hòa	39/57 Hoàng Diệu - Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5,7		0,5	0	6,2
7	Trần Đăng Giáp	27-3-2004	Khánh Hòa	tổ 10 Phú Ân Nam 2-Diên An-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,9		0,5	0	7,4
8	Trần Ngọc Nam	14-5-2004	Khánh Hòa	Phước Thượng I-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,2		0,5	0	6,7
9	Phan Hoàng Nguyên	10-7-2004	Khánh Hòa	27/3 Tản Viên-Phước Hòa-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5,4		0,5	0	5,9
10	Lê Trung Tiến	30-6-2004	Khánh Hòa	90/2/3 Đồng Nai-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,5		0,5	0	7,0
11	Nguyễn Phan Hoàng Quốc Duy	8-8-2004	Khánh Hòa	65/1 Đồng Nai-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,7		0,5	0	7,2
12	Nguyễn Hữu Đạt	28-5-2004	Khánh Hòa	Phước Tân- Phước Điền-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,2		0,5	0	6,7
13	Nguyễn Hữu Đắc Tuân	28-10-2004	Khánh Hòa	10/1 - Đắc Tân - Đắc Lộc - Vĩnh Phương-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,3		0,5	0	6,8
14	Trần Dĩ Khang	14-10-2003	Khánh Hòa	Tổ 5- Thôn Phú Ân Nam 2-Diên An-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,4		1	0	7,4
15	Mai Phúc Lâm	6-6-2004	Khánh Hòa	Trảng é-Phước thượng-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,5		0,5	0	7,0
16	Nguyễn Giáp Linh	4-2-2004	Khánh Hòa	Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7,1		0,5	0	7,6
17	Phạm Đăng Tuấn Kiệt	13-11-2004	Khánh Hòa	Phước Sơn-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,3		0,5	0	6,8
18	Lê Quốc Đạt	13-12-2004	Khánh Hòa	14/20A Tân An, Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7,3		0,5	0	7,8
19	Lê Hoàng Phúc	6-12-2004	Khánh Hòa	Tổ 4- Phú Ân Nam-Diên An-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,8		1	0	7,8
20	Lê Trọng Hoàn	1-7-2004	Khánh Hòa	Phước Thủy-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7,1		0,5	0	7,6

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
21	Kiều Trần Tấn Lượng	18-6-2004	Khánh Hòa	Tổ dân phố số 9-TT Diên Khánh-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,1		1	0	7,1
22	Lê Minh Nguyên	1-1-2004	Khánh Hòa	125/14 Hà Thanh-Vạn Thắng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5,8		0,5	0	6,3
23	Nguyễn Hữu Đan	24-1-2004	Khánh Hòa	Thôn Tây 2-Diên Sơn-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,5		1	0	7,5
24	Nguyễn Mạnh Cường	3-6-2004	Khánh Hòa	Trảng É 2-Phước Thượng-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,7		0,5	0	7,2
25	Trần Công Luận	25-8-2004	Khánh Hòa	25 Trần Quý Cáp-TT Diên Khánh-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7,1		1	0	8,1
26	Tô Thiên Bảo	28-10-2003	Khánh Hòa	04 Chế Lan Viên-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,8		0,5	0	7,3
27	Mai Hoàng Phi Long	30-10-2004	Khánh Hòa	28D- Đường Phước Long-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5,5		0,5	0	6,0
28	Phan Bá Nhân	19-8-2003	Khánh Hòa	Tổ 12 Vĩnh Hội-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,5		0,5	0	7,0
29	Đinh Hoàng Nhất Thống	28-5-2003	Khánh Hòa	Tổ 13 Thủy Tú-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5,3		0,5	0	5,8
30	Phạm Hữu Hoàng	16-6-2004	Khánh Hòa	Tổ 13 Tây Nam-Vĩnh Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,8		0,5	0	7,3
31	Nguyễn Trương Hoàng Anh	3-4-2004	Khánh Hòa	29/38 Trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,2		1,5	0	7,7
32	Nguyễn Thanh Tú	13-10-2004	Khánh Hòa	Số 12- Đông Phước-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,2		0,5	0	6,7
33	Nguyễn Anh Khoa	27-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 5-Phú Vinh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7		0,5	0	7,5
34	Võ Phúc Anh Khoa	1-12-2004	Khánh Hòa	Phú Vinh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,6		0,5	0	7,1
35	Hồ Viết Nhật	16-8-2003	Khánh Hòa	Phước Điền-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,5		0,5	0	7,0
36	Võ Đình Quốc	15-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 2-Trí Nguyên-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,6		1,5	0	8,1
37	Kim Ngọc Nghĩa	11-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 10-Tân Lập-Ninh Sim-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,8		0,5	0	7,3
38	Nguyễn Minh Nhựt	7-4-2004	Khánh Hòa	Tân Tứ-Ninh Thượng-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7,3		0,5	0	7,8
39	Phạm Đăng Niên	15-10-2004	Khánh Hòa	Phước Sơn-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,3		0,5	0	6,8
40	Phạm Chí Công	18-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 3-Trí Nguyên-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7,3		1,5	0	8,8
41	Nguyễn Lâm Trường	21-2-2004	Khánh Hòa	Tân Phú-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,1		0,5	0	6,6

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
42	Lê Thanh Tú	28-7-2004	Khánh Hòa	Gia Mỹ-Ninh An-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,2		0,5	0	6,7
43	Hồ Công Đoàn	2-2-2004	Khánh Hòa	Tổ 20-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,7		0,5	0	7,2
44	Trần Quốc Hưng	27-1-2004	Khánh Hòa	Thôn 3-Diên Phú-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6		1	0	7,0
45	Nguyễn Ngọc Thoại	27-3-2004	Khánh Hòa	Hòa Thuận-Ninh Bình-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,9		1	0	7,9
46	Nguyễn Huỳnh Nhật Lâm	27-9-2004	Khánh Hòa	Thôn 3- Diên Phú-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,2		1	0	7,2
47	Phạm Hữu Thanh Tú	17-4-2004	Khánh Hòa	TDP Đá Bạc-Cam Linh-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6,8		0,5	0	7,3
48	Bùi Quang Duy	12-9-2004	Khánh Hòa	Thôn 1-Diên Phú-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6		1	0	7,0
49	Nghiêm Xuân Duy	26-11-2000	Hà Nội	Xóm Ngang-Ba Lăng-Dũng Tiến- Thường Tín-Hà Nội	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5,5		0	0	5,5
50	Nguyễn Ngọc Huy	22-6-2004	Khánh Hòa	Trí Nguyên-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7,3		1,5	0	8,8
Nghề tuyển sinh: Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính										
1	Nguyễn Văn Trường Hải	15-10-2004	Khánh Hòa	81 Võ Thị Sáu-Trường Thọ-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6,2		0,5	0	6,7
2	Phạm Tiến Đạt	8-10-2004	Khánh Hòa	Phước Toàn-Phước Hạ-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6,7		0,5	0	7,2
3	Trần Nguyễn Bảo Tuấn	24-5-2002	Khánh Hòa	Võ Cang-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6,5		0,5	0	7,0
4	Phạm Đức Trung	29-6-2004	Khánh Hòa	24/13 Nguyễn Thiện Thuật-Tân Lập-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6,1		0,5	0	6,6
Nghề tuyển sinh: Kỹ thuật xây dựng										
1	Nguyễn Tấn Phát	24-3-2004	Khánh Hòa	Diên Điền-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật xây dựng	6,5		1	0	7,5
2	Nguyễn Hoàng Thạch	20-4-2004	Khánh Hòa	Võ Dõng - Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật xây dựng	5,4		0,5	0	5,9
3	Lê Chí Khang	7-4-2004	Khánh Hòa	Phú Hội-Vạn Thắng-Huyện Vạn Ninh-Khánh Hòa	Kỹ thuật xây dựng	6,4		0,5	0	6,9
4	Nguyễn Trọng Thắng	24-3-2004	Khánh Hòa	Tổ 15- Thanh Minh 3-Diên Lạc-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Kỹ thuật xây dựng	6,4		1	0	7,4
5	Nguyễn Ngọc Long	8-12-2004	Khánh Hòa	22 Hương Điền-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Kỹ thuật xây dựng	6,7		0,5	0	7,2
6	Phan Tấn Độ	21-12-2004	Khánh Hòa	Ngọc Diêm-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Kỹ thuật xây dựng	6,3		0,5	0	6,8
Nghề tuyển sinh: May thời trang										
1	Nguyễn Thị Hồng Liên	26-8-2002	Khánh Hòa	34/12/6 Lê Hồng Phong - Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	May thời trang	5,4		0,5	0	5,9

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
Nghề tuyển sinh: Nghiệp vụ nhà hàng										
1	Nguyễn Đức Mạnh	17-3-2004	Khánh Hòa	Phước Lợi 2- Phước Trung - Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,6		0,5	0	7,1
2	Hồ Ngọc Thủy Tiên	7-3-2004	Khánh Hòa	29/31 Trần Phú - Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,9		0,5	0	7,4
3	Nguyễn Thị Bảo Uyên	24-5-2004	Khánh Hòa	83/22/46 Trần Phú - Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,1		0,5	0	6,6
4	Nguyễn P. L.h. T. Nữ Xuân Hồng	9-6-2004	Khánh Hòa	27A Chi Lăng - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	8,3		0,5	0	8,8
5	Nguyễn Hoàng Kim Yến	5-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 5 Ngọc Hội-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	7,4		0,5	0	7,9
6	Lê Thái Thanh Huyền	3-9-2004	Khánh Hòa	Văn Thủy 1- Cam Phước Tây-Huyện Cam Lâm-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	7,2		1	0	8,2
7	Trần Ngọc Thanh Thúy	4-4-2004	Khánh Hòa	Đầm Môn-Vạn Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	7,4		1,5	0	8,9
8	Huỳnh Tâm Như	20-12-2004	Khánh Hòa	Đầm Môn-Vạn Thạnh-Huyện Vạn Ninh-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	7,2		1,5	0	8,7
9	Lê Hoàng Huy	18-7-2004	Khánh Hòa	206/10 lê Hồng Phong-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,8		0,5	0	7,3
10	Nguyễn Diễm Quỳnh	21-3-2004	Khánh Hòa	Vạn Thuận-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,6		0,5	0	7,1
11	Cao Dương Nhi	16-3-2004	Khánh Hòa	Thôn 7 - TT Ninh Hòa-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	7,3		0,5	0	7,8
12	Nguyễn Ánh Nguyệt	17-12-2004	Khánh Hòa	22/6 Châu Văn Liêm-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	5,4		0,5	0	5,9
13	Trần Lương Hồng Lam	10-9-2004	Khánh Hòa	Xuân Sơn-Huyện Vạn Ninh-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	5,6		1,5	0	7,1
14	Huỳnh Diệp Đức	23-6-2004	Khánh Hòa	Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,1		0,5	0	6,6
15	Đào Thanh Bảo	21-5-2004	Khánh Hòa	Trí Nguyên-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,3		1,5	0	7,8
16	Đào Thanh Toàn	21-5-2004	Khánh Hòa	Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,7		1,5	0	8,2
17	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	14-11-2004	Khánh Hòa	Tổ 4 Xóm Đình - Phước Toàn Tây -Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,3		0,5	0	6,8
18	Nguyễn Huỳnh Trọng Hiếu	12-4-2004	Khánh Hòa	Thôn Tây 1-Diên Sơn-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	7,3		1	0	8,3
19	Trần Ngọc Thân	17-1-2004	Khánh Hòa	27 Bùi Xuân Phái-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	7,7		0,5	0	8,2
20	Nguyễn Thị Thảo Vy	28-5-2004	Khánh Hòa	Trí Nguyên-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,7		1,5	0	8,2
21	Hồ Ngọc Tuyết	12-12-2003	Khánh Hòa	Bích Đầm-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	7,3		1,5	0	8,8

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
22	Ngô Thị Quỳnh Anh	23-3-2004	Khánh Hòa	Tổ 15- Võ cang-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,4		0,5	0	6,9
23	Nguyễn Công Trí	20-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 7- Hẻm 18- Đông Phước-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,9		0,5	0	7,4
24	Đoàn Nhật Huy	9-9-2004	Khánh Hòa	17/6 Phước Long-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	5,7		0,5	0	6,2
25	Đặng Thị Kim Mến	12-10-2004	Khánh Hòa	Bãi Giếng 2-Cam Hải Tây-Huyện Cam Lâm-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	7,6		0,5	0	8,1
26	Nguyễn Thị Vinh	18-10-2004	Khánh Hòa	Ngọc Diêm-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,6		0,5	0	7,1
27	Nguyễn Vũ Thùy Linh	12-3-2004	Khánh Hòa	Phước Điền-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,9		0,5	0	7,4
28	Ngô Kiều Quyên	6-11-2004	Khánh Hòa	Võ Cang-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	5,9		0,5	0	6,4
29	Nguyễn Nhật Ngọc Hân	10-12-2004	Khánh Hòa	Trí Nguyên-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	7,1		1,5	0	8,6
30	Huỳnh Thị Kim Hồng	24-11-2004	Khánh Hòa	18/27 Nguyễn Tất Thành-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,9		0,5	0	7,4
31	Hoàng Thị Yến Phương	4-9-2004	Khánh Hòa	Hải Thọ Đông-Phước Hạ-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,9		0,5	0	7,4
32	Vũ Phi Lâm	10-12-2004	Khánh Hòa	Tổ 8-Vĩnh Châu-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	5,7		0,5	0	6,2
33	Võ Phạm Duy Khánh	9-8-2004	Khánh Hòa	12/3 Đông Phước-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	5,5		0,5	0	6,0
34	Trần Thị Kim Ngân	29-12-2003	Khánh Hòa	80C/8 Đồng Nai -Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6		0,5	0	6,5
35	Trần Thị Ngọc Bin	28-5-2004	Khánh Hòa	21 Nguyễn Hoành - Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,8		0,5	0	7,3
36	Võ Thị Kim Yên	29-7-2003	Khánh Hòa	Tân Lập- Ninh Sim-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,4		0,5	0	6,9
37	Huỳnh Anh Việt	27-12-2004	Khánh Hòa	ô 36 Lô 1686 Hòn rớ-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6		0,5	0	6,5
38	Đỗ Thị Thảo Vy	23-5-2004	Khánh Hòa	36/1 Tân Phước-Bình Tân-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,1		0,5	0	6,6
39	Phạm Hoàng Sang Huy	29-7-2004	Khánh Hòa	tổ 18- Vĩnh điềm Thượng-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,7		0,5	0	7,2
40	Đỗ Quốc Trọng	8-10-2003	Bắc Giang	Vân Sơn- Phương Sơn- Lục Nam- Bắc Giang	Nghiệp vụ nhà hàng	6,1		0,5	0	6,6
41	Lê Tuấn Phi	18-12-2003	Khánh Hòa	8/22 Phạm Thị Bất-Trường Sơn-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,2		0,5	0	6,7
42	Nguyễn Kim Long	23-3-2004	Khánh Hòa	156 Võ Văn Hào- Trường Thọ-Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Nghiệp vụ nhà hàng	6,7		0,5	0	7,2

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
Nghề tuyển sinh: Quản trị khách sạn										
1	Phạm Ngọc Bảo Tâm	4-10-2004	Khánh Hòa	9A Đồng Nai-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,1		0,5	0	7,6
2	Lê Hoàng Minh Quân	26-9-2004	Khánh Hòa	Thôn Phú Thạnh - Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,9		0,5	0	6,4
3	Nguyễn Huỳnh Mỹ Tâm	22-7-2004	Khánh Hòa	Vĩnh Châu-Vĩnh Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,9		0,5	0	6,4
4	Trần Chánh Thùy Nhiên	20-9-2004	Khánh Hòa	Bến Chợ-Vạn Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	8,9		0,5	0	9,4
5	Nguyễn Phan Thanh Trúc	5-4-2002	Khánh Hòa	Đầm Môn-Vạn Thạnh-Huyện Vạn Ninh-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	8,4		1,5	0	9,9
6	Trần Nguyễn Khánh Linh	17-7-2004	Khánh Hòa	60/4 Hoàng Diệu-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	8,1		1,5	0	9,6
7	Võ Hữu Tấn	3-3-2004	Khánh Hòa	83/22/19- Trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,3		1,5	0	6,8
8	Nguyễn Tâm Linh	6-8-2004	Khánh Hòa	83/22/13- trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,1		1,5	0	6,6
9	Trần Thị Thu Hằng	14-12-2004	Khánh Hòa	83/28 Trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,9		1,5	0	7,4
10	Trần Thị Thanh Triều	27-5-2004	Khánh Hòa	Hòn Một- Bãi Trũ-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,7		1,5	0	8,2
11	Nguyễn Đức Thiện	25-2-2004	Khánh Hòa	128/28 Trần Phú-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7		1,5	0	8,5
12	Trần Nguyễn Tú Quỳnh	17-10-2004	Khánh Hòa	Ngọc Hội 2 - Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,6		0,5	0	7,1
13	Hoàng Thị Bích Vy	2-5-2004	Khánh Hòa	Phước Lộc - Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,9		0,5	0	6,4
14	Trương Tấn Huân	1-9-2004	Khánh Hòa	Vũng Ngán - Bãi Trũ - Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6		0,5	0	6,5
15	Long Hùng	18-6-2004	Khánh Hòa	49 Trần Phú - Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,3		0,5	0	6,8
16	Nguyễn Thị Anh Đào	26-5-2004	Khánh Hòa	Tân Khánh - Suối Tiên-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	8,2		1	0	9,2
17	Nguyễn Ngọc Khánh Đoan	21-11-2004	Khánh Hòa	154 Trần Quý Cáp - Phương Sài-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,7		0,5	0	6,2
18	Trần Trọng Hiếu	24-5-2004	Khánh Hòa	189 Trần Phú - Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,6		0,5	0	6,1
19	Đinh Thị Yến Nhi	19-8-2004	Khánh Hòa	Thôn Mỹ Lộc-Diên Lộc-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,5		1	0	8,5
20	Phan Anh Tuấn	3-10-2002	Khánh Hòa	Phước Lợi-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,5		0,5	0	7,0

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
21	Nguyễn Quốc Bảo Long	14-12-2004	Khánh Hòa	Tổ 3 - Thái Thông - Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,8		0,5	0	6,3
22	Võ Thị Thu Hiền	23-10-2004	Khánh Hòa	Xuân Lạc - Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,6		0,5	0	8,1
23	Lê Văn Thành	30-3-2004	Khánh Hòa	Tân Đảo-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,4		1,5	0	7,9
24	Đoàn Thị Mỹ Diên	25-5-2004	Khánh Hòa	Trí Nguyên-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,3		1,5	0	8,8
25	Trần Ngọc Bích Tuyền	29-8-2000	Khánh Hòa	Tổ 1 thôn Cư Thạnh-Suối Hiệp-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,7		1	0	6,7
26	Turrise Sophia Christina	25-6-2004	Khánh Hòa	Tổ 4 Ngọc Hội-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	8,4		0,5	0	8,9
27	Phan Gia Bảo	4-4-2004	Khánh Hòa	Xuân Lạc-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,8		0,5	0	7,3
28	Võ Thị Kiều My	1-5-2004	Khánh Hòa	Phú Bình 1-Cam Tân-Huyện Cam Lâm-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,4		1,5	0	8,9
29	Phan Trần Minh Trân	10-3-2004	Khánh Hòa	Tổ 1 Vĩnh Điềm-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,3		0,5	0	7,8
30	Đào Thanh Nghi	19-12-2004	Khánh Hòa	Tổ 6 Ngọc Hội-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,6		0,5	0	8,1
31	Huỳnh Thu Hằng	8-10-2004	Khánh Hòa	41 Nguyễn Văn Thành-Cầu Đá-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,4		1,5	0	7,9
32	Hồ Ngọc Nhiên	21-11-2004	Khánh Hòa	10 đường số 5 - Thành Gia - Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,1		1,5	0	7,6
33	Nguyễn Anh Thư	21-6-2004	Khánh Hòa	258/14 Dã Tượng - Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,2		1,5	0	8,7
34	Võ Minh Phương	2-11-2004	Khánh Hòa	40/2 Vườn Dương -Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,5		0,5	0	6,0
35	Hoàng Ngọc Anh Thư	14-8-2004	Khánh Hòa	51/1 Sau Ga - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6		0,5	0	6,5
36	Phan Nguyễn Thanh Thủy	15-5-2004	Khánh Hòa	90/8 Đồng nai-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,8		0,5	0	8,3
37	Nguyễn Tấn Vinh	13-5-2004	Khánh Hòa	Gò Sắn-Ninh Hưng-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,4		1	0	6,4
38	Trần Minh Thông	4-12-2004	Khánh Hòa	Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,7		0,5	0	6,2
39	Lê Hoàng Minh	13-4-2004	Khánh Hòa	322 Chung Cư A-Vạn Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,4		0,5	0	7,9
40	Đỗ Minh Thư	11-1-2004	Khánh Hòa	Võ Dõng-Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,8		0,5	0	7,3
41	Nguyễn Đức Triều	10-3-2004	Khánh Hòa	Đá Bạc-Cam Linh-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,7		0,5	0	6,2

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
42	Nguyễn Minh Thắng	26-2-2004	Khánh Hòa	Phước Thủy-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,8		0,5	0	7,3
43	Nguyễn Ngọc Anh Thư	17-10-2004	Khánh Hòa	157 Phương Sài-Phương Sơn-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7		0,5	0	7,5
44	Tô Thị Hương	28-4-2004	Khánh Hòa	Đầm Môn-Vạn Thạnh-Huyện Vạn Ninh-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,4		1,5	0	8,9
45	Đặng Thị Gia Ngân	23-2-2004	Khánh Hòa	Vĩnh Lương-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,1		0,5	0	7,6
46	Phan Hoàng Nhã	18-6-2004	Khánh Hòa	Tổ 3-Xuân Lạc 1-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,1		0,5	0	7,6
47	Phan Hoàng Kha	18-6-2004	Khánh Hòa	Tổ 3- Xuân Lạc 1-Vĩnh Ngọc-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,9		0,5	0	7,4
48	Nguyễn Thị Thúy Trang	28-9-2004	Khánh Hòa	Hòa Thiện 1- Ninh An-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	8,1		0,5	0	8,6
49	Trần Gia Huy	21-8-2004	Khánh Hòa	56 Đồng Nai- Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,7		0,5	0	6,2
50	Trần Thị Hồng Ngân	1-1-2004	Khánh Hòa	Thôn Tây 2- Diên Sơn- TT Diên Khánh-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,4		1	0	8,4
51	Trương Thị Minh Nhi	12-8-2004	Khánh Hòa	Tân Thành-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,6		0,5	0	7,1
52	Ngô Nguyễn Ngọc Trâm	7-5-2004	Khánh Hòa	266 Dã Tượng-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,4		0,5	0	7,9
53	Đặng Tuấn Khôi	21-9-2002	Khánh Hòa	33/4 Hoang Diệu- Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5		0,5	0	5,5
54	Võ Bảo Ngọc	9-12-2004	Khánh Hòa	Lô STH 20.02 Khu Đô Thị Lê Hồng Phong 2-Phước Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	8		0,5	0	8,5
55	Phan Quý Hậu	28-5-2004	Khánh Hòa	Ô 07 Lô 210 Hòn Rớ-Phước Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,2		0,5	0	6,7
56	Lê Thị Hải Linh	2-6-2004	Khánh Hòa	16 Đường Đinh Lễ, Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,6		0,5	0	7,1
57	Võ Như Quỳnh	28-1-2004	Khánh Hòa	2/5 Đô Lương - Phước Hòa-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,4		0,5	0	6,9
58	Bùi Thanh Ngân	24-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 02- Thái Thông-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,2		0,5	0	6,7
59	Lê Ngọc Uyển Nhi	3-5-2004	Khánh Hòa	57 Lê Đại hành-Tân Lập-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,2		0,5	0	6,7
60	Phan Thị Phương Thi	29-11-2004	Khánh Hòa	Tổ 8-Phú Vinh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,7		0,5	0	7,2
61	Vi Trần Tiến Trung	15-4-1999	Khánh Hòa	6/28 Nguyễn Thiện Thuật - Tân Lập-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,6		0,5	0	8,1
62	Huỳnh Thị Thu Hường	10-12-2004	Khánh Hòa	Trí Nguyên-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,8		1,5	0	8,3

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
63	Hoàng Trọng	5-4-2004	Khánh Hòa	Tổ 11 thôn Thái Thông-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,8		0,5	0	7,3
64	Nguyễn Hồng Phước	20-8-2004	Khánh Hòa	30 Âu Cơ - Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,1		0,5	0	7,6
65	Nguyễn Mỹ Anh	26-7-2004	Khánh Hòa	20/7A Máy Nước-Phước Tân-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,5		0,5	0	7,0
66	Đoàn Thị Kim Tuyền	6-7-2004	Khánh Hòa	Kinh tế mới-Suối Tiên-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,7		1,5	0	7,2
67	Tôn Thị Mỹ Ngọc	28-9-2003	Khánh Hòa	Tổ 1- Trí Nguyên- Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7		1,5	0	8,5
68	Huỳnh Bích Thảo	26-1-2004	Khánh Hòa	Đảo Trí Nguyên- Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	8,3		1,5	0	9,8
69	Võ Thị Thu Hòa	16-7-2004	Khánh Hòa	Tổ 1- Trí nguyên-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,2		1,5	0	8,7
70	Võ Tuyết Trinh	3-4-2004	Khánh Hòa	Toor 1- Trí nguyên-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,7		1,5	0	9,2
71	Nguyễn Thị Kim Ngân	24-11-2004	Khánh Hòa	Thôn Thái Thông 2-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,5		0,5	0	7,0
72	Phạm Kim Bình	6-8-2004	Khánh Hòa	Thôn Trung 1- Diên Điền-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,7		1	0	8,7
73	Cao Thị Hoài Thương	3-6-2004	Khánh Hòa	Ngọc Hội-Ngọc Hiệp-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	8,2		0,5	0	8,7
74	Lê Đặng Như Ý	17-9-2004	Khánh Hòa	Số 12- Hai Bà Trưng-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,7		0,5	0	8,2
75	Trần Thị Kim Ly	14-11-2004	Khánh Hòa	Thôn 3-Ninh Sơn-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,4		0,5	0	6,9
76	Đặng Thị Cẩm Quyên	21-4-2004	Khánh Hòa	Tân Phú-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,9		0,5	0	7,4
77	Phạm Đặng Kim Ngân	29-10-2004	Khánh Hòa	Trí Nguyên-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,1		1,5	0	8,6
78	Võ Đăng Khôi	25-12-2004	Khánh Hòa	Trí Nguyên-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,4		1,5	0	7,9
79	Dương Thanh Đại	23-7-2004	Khánh Hòa	Trí Nguyên-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7		1,5	0	8,5
80	Huỳnh Thị Kim Thi	5-10-2004	Khánh Hòa	Tổ 2- Trí Nguyên-Vĩnh Nguyên-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	8,1		1,5	0	9,6
81	Phạm Anh Khoa	13-2-2004	Khánh Hòa	Tổ 1 - Phú Ân Nam1 - Diên An-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,9		0,5	0	7,4
82	Trương Hoàng Kim Phụng	30-6-2004	Khánh Hòa	Lương Sơn-Vĩnh Lương-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,8		0,5	0	6,3
83	Lâm Tuấn Anh	26-9-2003	Khánh Hòa	404/1/40 Lê Hồng Phong-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	8		0,5	0	8,5

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
84	Bạch Thùy Hương	30-9-2004	Khánh Hòa	452/14/4 Lê Hồng Phong-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,3		0,5	0	7,8
85	Nguyễn Nhật Huy	17-1-2004	Khánh Hòa	TDP số 4-TT Diên Khánh-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,2		1	0	7,2
86	Nguyễn Thu Hương	3-11-2004	Khánh Hòa	Gia Mỹ - Ninh An-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	8,4		1	0	9,4
87	Võ Văn Thưởng	17-8-2003	Khánh Hòa	Phụng Cang-Ninh Hưng-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,6		1	0	6,6
88	Trần Thủy Tiên	14-4-2002	Khánh Hòa	33 Mê Linh-Tân Lập-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,4		0,5	0	7,9
89	Phạm Kim Son	22-6-2004	Khánh Hòa	Ngọc Diêm-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,9		0,5	0	7,4
90	Nguyễn Thị Thu Hậu	13-11-2004	Khánh Hòa	Ngọc Diêm-Ninh ích-Thị xã Ninh Hoà-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,7		0,5	0	6,2
91	Nguyễn Lê Phương Thùy	15-6-2004	Khánh Hòa	TDP Phú Lộc Đông 2-TT Diên Khánh-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,2		1	0	7,2
92	Huỳnh Thị Mỹ Uyên	3-9-2004	Khánh Hòa	Tổ 11-Sơn Thủy-Vĩnh Phước-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,2		0,5	0	7,7
93	Huỳnh Ngọc Hải Yến	21-5-2004	Khánh Hòa	109 trần Nguyễn Hãn-Tân Lập-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,6		0,5	0	7,1
94	Phan Nguyễn Hoàng Phương	1-7-2004	Khánh Hòa	Tổ 2-Phú Bình-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,1		0,5	0	7,6
95	Nguyễn Thị Ánh Trúc	17-10-2003	Khánh Hòa	163/17 Thôn Thủy Tú-Vĩnh Thái-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	5,1		0,5	0	5,6
96	Hoàng Thị Ngọc Mai	28-3-2004	Khánh Hòa	12A/2 Đường Phước Long-Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,4		0,5	0	6,9
97	Nguyễn Thị Như Hảo	25-4-2004	Khánh Hòa	73 Tân Hải - Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,2		0,5	0	7,7
98	Huỳnh Thành Phúc	6-11-2004	Khánh Hòa	3A/14 Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,2		0,5	0	6,7
99	Lê Cao Giăng	15-9-2004	Khánh Hòa	tổ 3 -Trường Hải -Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,8		0,5	0	7,3
100	Nguyễn Thái Kim Anh	24-6-2004	Khánh Hòa	Tổ 4 Bình Tân - Vĩnh Trường-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,9		0,5	0	7,4
101	Nguyễn Huỳnh Bảo Trâm	16-9-2003	Khánh Hòa	Phước Bình- Phước Điền-Đồng-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	8,3		0,5	0	8,8
102	Lại Thị Nhã Khuyên	18-1-2004	Khánh Hòa	Võ Dõng- Vĩnh Trung-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,6		0,5	0	7,1
103	Nguyễn Thị Xuân Như	10-2-2004	Khánh Hòa	Thôn Nam 1-Diên Sơn-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,3		1	0	7,3
104	Phạm Huyền Trân	19-4-2004	Khánh Hòa	Đội 2- Hội Phước-Diên Bình-Huyện Diên Khánh-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,2		1	0	7,2

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Nghề đăng ký	TBC Lớp 9	TBC Lớp 12	KV	ƯT	Tổng điểm
105	Nguyễn Mậu Vương	13-1-2004	Khánh Hòa	Hương Long-Ba Ngòi-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,6		0,5	0	8,1
106	Huỳnh Nhật Khang	4-8-2001	Khánh Hòa	Linh Thương-Cam Linh-Thành phố Cam Ranh-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	6,5		0,5	0	7,0
107	Nguyễn Hoàng Trang	23-9-2001	Khánh Hòa	Tổ 1A, Đông Nam 2, Vĩnh Hải-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	7,1		0,5	0	7,6
Nghề tuyển sinh: Thiết kế thời trang										
1	Phạm Hoàng Phúc	30-11-2004	Khánh Hòa	Tổ 1 phú Vinh-Vĩnh Thạnh-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Thiết kế thời trang	7,6		0,5	0	8,1
2	Trương Thị Thùy Trang	20-11-2004	Khánh Hòa	12 Phùng Hưng - Phước Long-Thành phố Nha Trang-Khánh Hòa	Thiết kế thời trang	5,4		0,5	0	5,9